

NO.14

さいたまけんかわぐちし
埼玉県川口市

はっこう にせんにじゅういちねんじゅうがつ
発行 2021年10月

と も と も

TOMO×TOMO

がいこくじん にほんじん じょうほうし
外国人と日本人のための情報誌

Newsletter for international friendship and foreign residents

为外国人与日本人共同创办的信息杂志

Tạp chí thông tin dành cho người nước ngoài và người Nhật

외국인과 일본인을 위한 정보지



とびっくす
トピックス

ことし かんじ たいむとらべる
・「今年の漢字」でタイムトラベル

えんぎ た もの
・縁起のよい食べ物

にほんご し
・「やさしい日本語」を知っていますか

もくじ

目次

Contents

目录

Mục lục

목차

ことし かんじ たいむとらべる ● 「今年の漢字」でタイムトラベル

pp. 1–5

Let's Set Out on a Time-Travel on "This Year's Kanji"

跟随“今年的汉字”来一场时空旅行

Du lịch xuyên thời gian với “chữ Hán của năm nay”

‘올해의 한자’로 시간 여행

さんぽきぶん たず ● お散歩気分で訪ねてみよう！ 武州川口七福神

pp. 6–11

Let's stroll out! Bushu Kawaguchi Seven Deities of Good Fortune

以散步的心情走访武州川口七福神！

Hãy đến thăm như một cuộc dạo chơi! “Thát phúc thần của Bushu-Kawaguchi”

산책 기분으로 방문해 보자! 부슈 가와구치 칠복신

えんぎ た もの ● 縁起のよい食べ物

pp. 12–14

Foods That Supposed to Bring Good Fortune

吉祥的食物

Món ăn đem lại may mắn

운이 좋은 음식

かわぐちし ばらんていあにほんごきょうしふうかい ● 川口市のボランティア日本語教室紹介 (No. 12)

pp. 15–18

A Volunteered Japanese Language Class in Kawaguchi City (No. 12)

川口市志愿者日语教室的介绍 (No. 12)

Giới thiệu lớp học tiếng Nhật tình nguyện ở thành phố Kawaguchi (No. 12)

가와구치시 봄런티어 일본어 교실 소개 (No. 12)

にほんご し ● 「やさしい日本語」を知っていますか

pp. 19–22

Do you know Plain Japanese?

大家知道“简单日语”吗？

Bạn có biết “tiếng Nhật dễ hiểu” là gì không?

‘쉬운 일본어’를 알고 있습니까?

かわぐちしばらんていあにほんごきょうしふうかん ● 川口市ボランティア日本語教室一覧

p. 24

A List of Kawaguchi City Volunteered Japanese Classes

川口市志愿者日语教室一览表

Danh sách lớp học tiếng Nhật tình nguyện thành phố Kawaguchi

가와구치시 봄런티어 일본어 교실 일람

とあ	かわぐちし	しみんせいかつぶ	きょうどうすいしんか	たぶんかきょうせいかかり
問い合わせ	川口市	市民生活部	協働推進課	多文化共生係
かわぐちしかわぐちいち	いち	いちきゅば	らほんかんとうえむほんかい	しみんばーとなーすでーしゃん
〒332-0015	川口市川口1-1-1	キュボ・ラ本館棟M4階	かわぐち市民パートナーステーション	
TEL 048-227-7607		FAX 048-226-7718		
かわぐち	ほーむ	ペーじ	こうかい	みぎ
川口市のホームページでも公開しています。右の二次元コードからご覧いただけます。				らん



ことし かんじ たいむとらべる 「今年の漢字」でタイムトラベル

みな ことし かんじ し ことし かんじ とし できごと しゃかい
皆さんは「今年の漢字」を知っていますか？「今年の漢字」はその年の出来事や社会
ようす かんじひともじ あらわ こうえきざいだんほうじんにほんかんじのうりょくげんでいきょうかい おこな
の様子を漢字一文字で表したもので、公益財団法人日本漢字能力検定協会が行つ
かくとし かんじ ぜんこく おうば いちばんおお き まいたし
ているもので、各年の漢字は、全国からの応募で一番多かったものに決まります。毎年
じゅうにがつ きょうとふ きよみずでら はつひよう こんかい へいせいにじゅうさん にせんじゅういち ねんいこう じゅう
12月に京都府の清水寺で発表されます。今回は平成23(2011)年以降の10
ねんぶん かんじ ふ かえ いっしょ とし お こと おも だ
年分の漢字を振り返り、一緒にその年に起きた事を思い出してみましょう。



平成23(2011)年「絆」

「絆」は、つながりを意味します。この年は東日本大震災が発生し、たくさんの被害が出ました。そんな中、苦しい状況で人と人が助け合い、絆の大切さを学んだ年でもありました。

平成24(2012)年「金」

日本の広い範囲で金環日食が観測されたり、21世紀最後の金星の太陽面通過という天文現象が起こったりしました。宇宙
きん ふか かか いちねん
の「金」と深い関わりがあった一年でした。

平成25(2013)年「輪」

「輪」には、形としての丸や、回るという意味があります。2020東京オリンピック・パラリンピックの開催決定をはじめ、
ふじさん せかいぶんかいさんとうろく にほん いちがん よろこ とし
富士山の世界文化遺産登録など、日本が一丸となって喜んだ年になりました。



平成26(2014)年「税」

17年ぶりに消費税が引き上げられ、日用品や公共料金の値上げなど、日常生活に大きな影響
をもたらしました。

平成27(2015)年「安」

「安」には、落ちちいている、値段が安いなどさまざまな意味があります。戦後70年を迎える、これ
にほん あ かた せんそう む あ かた かんが いちねん
からの日本の在り方、戦争への向き合い方を考える一年になりました。

平成28(2016)年「金」

ブラジルのリオで夏季オリンピック・パラリンピックが開催され、日本は12個の金メダルを獲得しました。この年のメダルの合
けいすう か こさいた にほんじゅう わだい
計数は過去最多となり、日本中で話題となりました。

平成29(2017)年「北」

「北」は、方角を表す漢字です。中距離弾道ミサイルの発射や、軍事国境線を超える事件など、この年は北朝鮮に関する
にゅーす おお とし
ニュースが多い年でした。

平成30(2018)年「災」

「災」は、よくない出来事を意味します。北海道胆振東部地震や例年よりも多い台風など、災害
おお とし とく たいふうにじゅういちごう ほつかいどう おお ひがい
の多い年でした。特に台風21号は北海道に大きな被害をもたらしました。

令和元年(2019)年「令」

「令」は、決まりや法律を意味する漢字です。天皇の退位に伴って新しい元号「令和」が発表
れいせいかんじゅうねん せききゅうひやくはじゅうきゅうねん いらいさんじゅうねん かれいげん
され、平成元年(1989年)以来30年ぶりに改元されました。



れいわに にせんにじゅうねん みつ
令和2(2020)年「密」
 みつ すきま ひと もの おなばしよ いみ しんがたころなういるすかんせんしょうせかいじゅうりゅうこうさんみつ
 「密」は、隙間がなく、人や物が同じ場所にたくさんあることを意味します。新型コロナウイルス感染症が世界中で流行し、三密
 かいひ てってい きんきゅうじたいせんげん はつれい
 回避などが徹底され、緊急事態宣言が発令されました。

かんじ ひともじ いちねん あらわ おもしろ ひっしや へいせいにじゅうさん にせんじゅういち
 漢字一文字で一年を表すのは面白いですね。筆者にとっては、平成23(2011)
 ねん きずな もっと いんしうぶか ひがしにはんだいんさい とうじこ わたし しょうげきてき
 年の「絆」が最も印象深いです。東日本大震災は、当時子どもだった私にも衝撃的な
 できごと れいわさん にせんにじゅういち ねん みな ことし かんじ なに えら
 出来事でした。令和3(2021)年、皆さんなら「今年の漢字」に何を選びますか？

さんこう こうえきざいだんほうじんにほんかんじのうりよくけんていきょうかい ことし かんじ
 参考:公益財団法人日本漢字能力検定協会「今年の漢字」

URL:<https://www.kanken.or.jp/kotoshinokanji/>



Let's Set Out on a Time-Travel on "This Year's Kanji"

Do you know "This Year's Kanji"? It expresses the year's events and situations in one character of *kanji*. The Japan Kanji Aptitude Testing Foundation invites the public to send in their own "This Year's Kanji", then a *kanji* character which collects the largest number becomes the one. It is announced to the public in each December, at *Kiyomizu-dera* temple in Kyoto. Let us look back upon the past 10 years' (from 2011) *kanji* characters and reminisce the events and situations that happened in those years.



Heisei23 / Year 2011 “絆(Kizuna)”

Means "bonds". The Great East Japan Earthquake, which hit the area that year have left enormous damages. In that most difficult situation, people could fathom out bonds by helping each other.

Heisei24 / Year 2012 “金(Kin)”

An annular solar eclipse, the 21st century's last Venus's passage across the solar disk, such astronomical phenomena was observed throughout Japan. The year can be associated with "Gold" in the universe.

※solar eclipse→金環(gold ring), the planet Venus→金星(gold star) in Japanese.

Heisei25 / Year 2013 “輪(Wa)”

This character means a "ring", "circle" as a shape, or a "wheel", "wheeling". By an appointment as a host country for the TOKYO 2020 Olympic and Paralympic Games, and registration of Mt. Fuji and its surrounding area as a World Cultural Heritage Site, etc. people in Japan got delighted as one ("like in a shape of circle" in Japanese) this year.

Heisei26 / Year 2014 “税(Zei)”

Means "tax". Consumption Tax was raised for the first time in 17 years. It also raised prices of necessities and utility bills, which inflicted enormous influence on our daily life.

Heisei27 / Year 2015 “安(An)”

This character means "placid", "cheap in price", etc. At the point of 70 years after the WW2, the year became the turning point for us to reconsider what Japan ought to be in the future and how to treat with war.

Heisei28 / Year 2016 “金(Kin)”

Means "gold". Summer Olympic/Paralympic Games were held in Rio de Janeiro, Brazil, and Team Japan had won 12 Gold medals. The largest number of medals won by Japanese Olympians made a stir all over Japan.



Heisei29 / Year 2017 “北(Kita)”

Means "north". This year was a succession of North-Korea related incidents such as the launch of IRBM, a North Korean soldier's breaking through of the Demilitarized Zone, etc.

Heisei30 / Year 2018 “災(Sai)”

Means "unwelcoming incident". Hokkaido Eastern Iburi Earthquake, typhoons much larger in number than usual, etc. the year had been one calamity after another. Especially typhoon No. 21 had left tremendous damages to Hokkaido.

Reiwa 1 / Year 2019 “令(Rei)”

Means “rules”, “regulations”. In accordance with the Emperor's abdication of the throne, the new imperial era name “Reiwa” was announced for the first time in 30 years (1989).

Reiwa 2/ Year 2020 “密(Mitsu)”

Means “density”, the place with no space and packed with people and objects. Due to the worldwide Covid-19 pandemic, “Avoiding of three Cs (Closed places, Crowded spaces, Close-contact settings) was officially encouraged and the State of Emergency was declared.



It is interesting to express a year in one character of *kanji*. As the writer of this article, 「絆」 of the year 2011 is most impressive. The Great East Japan Earthquake was a shocking incident for me, though I was just a mere child then. What do you choose for the year Reiwa 3rd (2021) as your “This Year’s Kanji”?

Reference: the Japan Kanji Aptitude Testing Foundation (Public Utility Foundation) “This Year’s Kanji”

URL:<https://www.kanken.or.jp/kotoshinokanji/>



跟随“今年的汉字”来一场时空旅行

大家听说过“今年的汉字”吗？“今年的汉字”是指用一个汉字来表示当年的重要事件和社会状况。它是由公益财团法人日本汉字能力检定协会举办的活动。从全国征集的汉字中选出应征最多的那个字作为当年的汉字。每年12月在京都府的清水寺进行发表。这次我们将回顾一下平成23（2011）年以来过去10年的汉字，回忆一下当年发生的事情吧。

平成23（2011）年“絆”

“絆”是纽带的意思。这一年发生了东日本大地震，造成了很大的损失。也是让人们从中学到在困难的时候人与人要相互帮助，以及纽带的重要性的一年。

平成24（2012年）“金”

在日本的大部分地区观测到了日环食，出现了21世纪最后一次金星通过太阳面的天文现象。这一年和宇宙的“金”有着很深的关联。

平成25（2013）年“轮”

“轮”有表示形状的圆形，或者旋转的意思。这一年决定了2020东京奥运会和残奥会的举办，以及富士山被列入世界文化遗产等，是日本国民团结一致，感到高兴的一年。

平成26（2014）年“税”

时隔17年提高了消费税，日用品和公共费用的涨价等，这些都给日常生活带来了很大的影响。



平成27（2015）年“安”

“安”有平静、价格便宜等各种各样的意思。这一年迎来了第二次世界大战结束70周年，是日本人对今后的日本应有的样子以及如何对战争进行反思的一年。

平成28（2016）年“金”

夏季奥运会和残奥会在巴西里约举行，日本获得12枚金牌。这一年获得奖牌的总数是有史以来最多的，成为日本全国的话题。

平成29（2017）年“北”

“北”是表示方位的汉字。这一年有很多关于朝鲜的新闻，包括发射中程弹道导弹和跨越军事边界的事件等。

平成30（2018）年“灾”

“灾”是指发生不好的事情。这一年发生了北海道胆振东部地震和比往年更多的台风等、是多灾多难的一年。特别是21号台风给北海道带来了巨大的损失。

令和元年（2019年）“令”

“令”是表示规定和法律的汉字。随着天皇退位，发布了新的年号“令和”，这是自平成元年（1989年）以来时隔30年改年号。

令和2（2020）年“密”

“密”是指没有缝隙，许多人和物聚集在同一个场所。新型冠状病毒感染症在全世界流行，政府为了彻底避免拥挤，发布了紧急事态宣言。

用一个汉字来表示一年很有意思吧。对笔者而言，平成23（2011）年的“糸”印象最深。东日本大地震对当时还是孩子的我来说也是令人震惊的事。令和3（2021）年，大家会选择什么作为“今年的汉字”呢？

参考：公益财团法人日本汉字能力检定协会“今年的汉字”

URL : <https://www.kanken.or.jp/kotoshinokanji/>



Du lịch xuyên thời gian với “chữ Hán của năm nay”

Các bạn có biết “Chữ Hán của năm nay” không? “Chữ Hán của năm nay” là một cái chữ Hán tượng trưng cho các sự kiện hay tình hình xã hội trong một năm ấy. Đây là một hoạt động do Hiệp hội Kiểm tra năng lực chữ Hán Nhật Bản (Tài đoàn pháp nhân công ích) tổ chức, và chữ Hán của mỗi năm được quyết định bằng cách người dân trên toàn quốc đăng ký và Hiệp hội sẽ chọn một cái chữ được đăng ký nhiều nhất. Chữ Hán đó được phát biểu tại chùa Kiyomizu, tỉnh Kyoto vào tháng 12 hàng năm. Dịp này chúng ta nhìn lại các chữ Hán trong 10 năm từ năm thứ 23 Bình Thành (2011) trở về sau để cùng nhớ lại các sự kiện đã xảy ra vào các năm.

Năm thứ 23 Bình Thành (2011) “糸 (Kizuna)”

Chữ “糸” có nghĩa là mối quan hệ. Năm ấy đã xảy ra Đại động đất tại Đông Nhật Bản và gây nhiều thiệt hại nghiêm trọng. Trong khi đó, người dân đã học hỏi được sự cần thiết của việc giúp đỡ với nhau, tính quan trọng của mối quan hệ giữa người với người trong tình trạng khó khăn.

Năm thứ 24 Bình Thành (2012) “金 (Kin)”

Năm ấy đã xảy ra những hiện tượng thiên văn chẳng hạn như nhật thực hình khuyên đã được xem tại nhiều nơi trên Nhật Bản, sao kim đi qua bờ mặt trời đó là lần cuối cùng trong thế kỷ 21. Đây là một năm có quan hệ sâu sắc với “Kim” của vũ trụ.



Năm thứ 25 Bình Thành (2013) “輪 (Wa)”

Chữ “輪” có nghĩa là hình tròn, xoay vòng. Đây là một năm có nhiều sự kiện khiến toàn nước Nhật vui mừng, chẳng hạn như Thế vận hội Olympic – Paralympic Tokyo 2020 được quyết định tổ chức, núi Phú Sĩ được đăng ký vào Di sản văn hóa thế giới, v.v.

Năm thứ 26 Bình Thành (2014) “税 (Zei)”

Thuế tiêu dùng được tăng lên sau 17 năm, và giá đồ dùng hàng ngày, phí điện nước cũng được tăng lên. Những điều đó đã gây ảnh hưởng lớn đến cuộc sống hàng ngày của người dân.

Năm thứ 27 Bình Thành (2015) “安 (An)”

Chữ “安” có nhiều ý nghĩa khác nhau như bình an, giá rẻ, v.v. Đã được 70 năm kể từ khi chiến tranh kết thúc, năm ấy đã là một năm để mỗi người suy nghĩ về tương lai của Nhật Bản và cách đổi mới với chiến tranh.

Năm thứ 28 Bình Thành (2016) “金 (Kin)”

Thể vận hội Olympic – Paralympic mùa hè đã được tổ chức tại Rio, Brazil và đội Nhật Bản giành được 12 chiếc huy chương vàng. Tổng số huy chương của năm ấy là số nhiều nhất trong quá khứ, và điều này đã trở thành một chủ đề nóng nhất trên toàn Nhật Bản.



Năm thứ 29 Bình Thành (2017) “北 (Kita)”

Chữ “北” là chữ Hán thể hiện phương hướng. Đây là một năm có nhiều tin tức liên quan đến Bắc Triều Tiên, chẳng hạn như tên lửa đạn đạo bị bắn, sự việc binh lính của quan đội Bắc Triều Tiên vượt qua đường biên giới quân sự, v.v.

Năm thứ 30 Bình Thành (2018) “災 (Sai)”

Chữ “災” có nghĩa là sự kiện không tốt. Đây là một năm có nhiều thảm họa thiên nhiên như Động đất Đông Iburi tỉnh Hokkaido, nhiều cơn bão so với hàng năm, v.v. Đặc biệt là cơn bão số 21 đã gây thiệt hại lớn đến tỉnh Hokkaido.

Năm thứ 1 Lệnh Hòa (2019) “令 (Rei)”

Chữ “令” là chữ Hán có ý nghĩa như quy định, pháp luật. Cùng với thiên hoàng thoái vị, niên hiệu mới “令和 (Lệnh Hòa)” được công bố, đó là niên hiệu đã được thay đổi sau 30 năm từ năm thứ 1 Bình Thành (1989).

Năm thứ 2 Lệnh Hòa (2020) “密 (Mitsu)”

Chữ “密” có nghĩa là tình trạng mà đông người hay nhiều vật tập trung vào một không gian. Vì bệnh truyền nhiễm do virus corona chủng mới bắt đầu lây lan khắp thế giới, chính phủ Nhật đã kêu gọi thực hiện chính sách tránh khử (Ba chữ mật) một cách triệt để và tuyên bố tình trạng khẩn cấp.

Thật thú vị khi thể hiện được một năm bằng một cái chữ Hán. Đối với tác giả, chữ “絆 (kizuna)” của năm thứ 23 Bình Thành (2011) có ý nghĩa sâu sắc nhất. Đại động đất tại Đông Nhật Bản là một sự kiện gây sốc đến tôi hồi đó là một đứa trẻ. Nếu các bạn thì sẽ chọn chữ Hán gì cho năm thứ 3 Lệnh Hòa (2021)?

Tham khảo: “Chữ Hán của năm nay”, Hiệp hội Kiểm tra năng lực chữ Hán Nhật Bản (Tài đoàn pháp nhân công ích)

URL : <https://www.kanken.or.jp/kotoshinokanji/>



‘올해의 한자’로 시간 여행

여러분은 ‘올해의 한자’를 알고 계십니까? ‘올해의 한자’는 그 해의 일어난 일이나 사회의 모습을 한자 한 글자로 나타낸 것입니다. 공익재단법인 한자능력검정협회가 실시하고 있는 것으로, 매년 한자는 전국에서 응모해 가장 많은 것으로 결정됩니다. 매년 12월에 교토의 기요미즈데라(절)에서 발표됩니다. 이번에는 2011년 이후 10년 동안의 한자를 돌아보고 함께 그 해에 일어난 일을 생각해 봅시다.

혜세이 23 (2011)년 ‘絆(징)’

‘징’은 연결을 의미합니다. 이 해는 동일본 대지진이 발생하여 많은 피해가 났습니다. 그런 가운데, 어려운 상황에서 사람과 사람이 서로 돋고 정의 소중함을 배운 해이기도 했습니다.



혜세이 24 (2012)년 ‘金(금)’

일본의 넓은 범위에서 금환 일식이 관측되고, 21세기 마지막 금성의 태양면 통과라는 천문 현상이 일어나기도 했습니다. 우주의 ‘금’과 깊은 관계가 있었던 한 해였습니다.



혜세이 25 (2013)년 ‘輪(윤)’

‘윤’에는 형태로서 원형 또는 돋다는 의미가 있습니다. 2020 도쿄 올림픽 · 패럴림픽 개최 결정을 비롯해 후지산의 세계문화유산등록 등 일본이 하나가 되어 기뻐했던 해였습니다.

5% → 8%



혜세이 26 (2014)년 ‘稅(세)’

17년 만에 소비세가 인상되어, 일용품 및 공공요금인상 등 일상 생활에 큰 영향을 가져왔습니다.



혜세이 27 (2015)년 ‘安(안)’

‘안’에는 침착함, 가격이 싼 등 다양한 의미가 있습니다. 전후 70년을 맞아 앞으로의 일본 본연의 자세, 전쟁에 임하는 방법을 생각하는 한 해가 되었습니다.

혜세이 28 (2016)년 ‘金(금)’

브라질 리오 하계 올림픽 · 패럴림픽이 개최되어 일본은 12개의 금메달을 획득했습니다. 이 해 메달의 총수는 과거 최다가 되어 일본 내에서 화제가 되었습니다.

혜세이 29 (2017)년 ‘北(복)’

‘복’은 방향을 나타내는 한자입니다. 중거리 탄도 미사일의 발사와 군사 국경선을 넘는 사건 등 이 해는 북한과 관련된 뉴스가 많은 해였습니다.

혜세이 30 (2018)년 ‘災(재)’

‘재’는 좋지 않은 사건을 의미합니다. 훗카이도 이부리 동부 지진이나 예년보다 많은 태풍 등 재해가 많은 해였습니다. 특히 태풍 21호는 훗카이도에 큰 피해를 가져왔습니다.

레이와 원년 (2019)년 ‘侖(영)’

‘영’은 정해진 것과 법률을 의미하는 한자입니다. 천황의 퇴위에 따라 새로운 원호 ‘레이와’가 발표되고 혜세이 원년 1989년 이후 30년 만에 개원되었습니다.



레이와2 (2020)년 ‘密(밀)’

‘밀’은 틈이 없이 사람이나 물건이 같은 장소에 많이 있다는 것을 의미합니다. 신종 코로나바이러스 감염증이 세계적으로 유행하고, 3밀 회피 등을 철저히 하고 비상사태선언이 발령되었습니다.

한자 한 글자로 일년을 나타내는 것은 재미있네요. 필자에게 있어서는 혜세이 23 (2011)년의 ‘絆(징)’이 가장 인상이 깊습니다. 동일본대지진은 당시 어린아이였던 저에게도 충격적인 사건이었습니다. 레이와3 (2021)년 여러분이라면 ‘올해의 한자’로 무엇을 선택하시겠습니까?

참고 : 공익재단법인 일본한자능력검정협회 ‘올해의 한자’

URL : <https://www.kanken.or.jp/kotoshinokanji/>

さんばきぶん たず
お散歩気分で訪ねてみよう！ 武州川口七福神

ほんじん ふる ねが こ しちふくじん しんこう
日本人は古くから、さまざまなお願いを込めて七福神を信仰してきました。七福神の由来について
せつ ひんどうーきょう かみ ゆらい だいこくてもじ はじ しちふくじん ゆらい
はいろいろな説がありますが、ヒンドゥー教の神に由来する大黒天が始まりともいわれ、現在の7柱
しもん こてい えどじだいこうき つた しちふくじん きんぎんざいほう つ たぬふね みな
(7人)が固定したのは江戸時代後期と伝えられています。七福神は、金銀財宝を積んだ宝船に皆
いっしょ の き ぜんこくかくも しちふくじん まつ かわぐもし ぶしゅうかわぐちしちふくじん なな てら
一緒に乗ってやって来ます。
ぜんこくかくも しちふくじん まつ 全国各地に七福神が祀られていますが、川口市でも、「武州川口七福神」として7つのお寺に
ひとはしら ひとり まつ 1柱(1人)ずつ祀られています。



かみさま なまえ りやく とくちょう 神様のお名前とご利益・特徴	かみさま すがた 神様のお姿	まつ かわぐちしない てら あくせす 祀られている川口市内のお寺とアクセス
ふくろくじゆ 福禄寿 こう ふく ざいほう ちょうじゅ つえ も おお 幸福、財宝、長寿。杖を持っていることが多い。		しゃくじょうじ 錫杖寺 かわぐちしほんちょうに よん さんじゅうなな 川口市本町2-4-3 7 TEL:048-222-2046 かわぐちえきひがしぎち とほ やくじっ�ん JR川口駅東口から徒歩約10分 など
じゆろうじん 寿老人 む びょうそくさい ふ ろうちょうじゅ ちょうじゅ しか 無病息災、不老長寿。長寿のしるしである鹿や つる つ おお 鶴を連れていることが多い。		しょうげんじ 正眼寺 かわぐちしみやちょうご よんじゅう 川口市宮町5-4 0 TEL:048-252-6448 かわぐちえきにしぐち ばす まえしんでん じゅんかん じょうしゃ JR川口駅西口からバス「前新田循環」乗車、 ららがーでんかわぐちばすていげしやとほ やくにふん 「ララガーデン川口」バス停下車徒歩約2分 など
ひしゃもんてん 毘沙門天 しうらん かいうん えきびょうたいさん ぶっぽう まも がみ よろい み 勝運、開運、疫病退散。仏法の守り神。鎧を身 つ ほぼう ぶき ぶつきょう けんちくぶつ に付け、宝棒という武器と、仏教の建築物であ ほとう も る宝塔を持っている。		きちじょういん 吉祥院 かわぐちしみなみちょうに ろく はち 川口市南町2-6-8 TEL:048-252-5949 かわぐちえきにしぐち ばす まえしんでんじゅんかん じょうしゃ なかちゅう JR川口駅西口からバス「前新田循環」乗車、「仲町 しようがっこう ばす ていげしやとほ やくさんぶん 小学校」バス停下車徒歩約3分 など
ほていそん 布袋尊 せんきやくばんらい しょうはいはんじょう か ぞくえんまん おお 千客万来、商売繁盛、家族円満。大らかな すがた えがお とくちょう 姿と笑顔が特徴。		しょうがくじ 正覚寺 かわぐちしもとごうさん いち じゅうよん 川口市元郷3-1-1 4 TEL:048-222-2484 さいたまこうそくでつどうかわぐちもとごうえき とほ やくじっ�ん 埼玉高速鉄道川口元郷駅から徒歩約10分 など
えびす 恵美寿 いっぽんでき えびす か (一般的には「恵比寿」と書くこともある) しょうばいはんじょう もと ぎょぎょう かみ みきて つりざお 商売繁盛。元は漁業の神で、右手に釣竿、 ひだりて たい も 左手に鯛を持つ。		けつでんじ 傑傳寺 かわぐちしひがしまんごういちごれいいろく 川口市東本郷1506 TEL:048-281-1655 かわぐちえきひがしぎち ばす みねはしまんぐう そうかえき JR川口駅東口からバス「峯八幡宮」または「草加駅 にしぐち い じょうしゃ しんごうのうきょう ばす ていげしやとほ やく 西口」行き乗車、「新郷農協」バス停下車徒歩約 ななふん 7分 など
だいこくても 大黒天 ごくこうじょう たから だ う で こづち 五穀豊穣。宝を出すための「打ち出の小槌」を も 持っている。		みつぢいん 密蔵院 かわぐちしあんぎょうはらにいよいはち 川口市安行原2008 TEL:048-296-0774 かわぐちえきひがしぎち ばす みねはしまんぐう い じょうしゃ みね JR川口駅東口からバス「峯八幡宮」行き乗車、「峯 はしまんぐう ばす ていげしやとほ やくじっ�ん 八幡宮」バス停下車徒歩約10分 など
べんさいてん 弁財天 げいじゅつ がくぎょう ざいほう しちふくじん なか ゆいいつ めがみ 芸術、学業、財宝。七福神の中で唯一の女神 びわ げんがつき も で、琵琶という弦楽器を持っている。		さいごういん 西光院 かわぐちしどづかに ろく にじゅうく 川口市戸塚2-6-2 9 TEL:048-295-1034 むさしのせんひがしかわぐちえき とほ やくごふん JR武藏野線東川口駅から徒歩約5分 など

り やく しちふくじん しちふくじん てら れきし し ぶつぞう おが けいだい みどり たの
 それぞれにありがたいご利益がある七福神。七福神めぐりとともににお寺の歴史を知ったり、仏像を拝んだり、境内の緑を樂
 まつ でら しないかくしょ すこ あし の さんぼきぶん たず
 しんだりすることもできます。祀られているお寺は市内各所にありますので、少しだけ足を伸ばして、お散歩気分で訪ねてみ
 てはいかがでしょうか。

まめちしき
豆知識

ごしゅいん
御朱印

ごしゅいん じしゃ まい ひと お いん じしゃ ごしゅいん いっさつ
 御朱印とは、寺社がお参りした人に押してくれる印です。さまざまな寺社の御朱印を1冊にま
 ごしゅいんちょう じしゃ ぶんぐでん こうにゅう しちふくじん いがい じしゃ たず
 とめておける御朱印帳は、寺社や文具店で購入できます。七福神めぐり以外の寺社を訪ね
 き い ごしゅいんちょう ごしゅいん あつ たの
 て、お気に入りの御朱印帳に御朱印を集めのも楽しいですね。

さんこうじりょう かわぐちしかんこうぶっさんきょうかいほ 一 む ベ ー じとう
 (参考資料:川口市觀光物産協会ホームページ等)



Let's stroll out! Bushu Kawaguchi Seven Deities of Good Fortune

For a long time, Japanese have been worshipping the Seven Deities of Good Fortune. There are a variety of views about its origin. One of them says it was started with worshipping *Daikokuten*, the God from Hinduism. In late *Edo* Period, current seven Gods were publicly recognized as the Seven Deities of Good Fortune. They always appear on board together called a *takarabune*, a boat full of treasures.

The Seven Deities of Good Fortune are deified throughout the country. In Kawaguchi City, we deify each god at seven different temples as "the *Bushu* Kawaguchi Seven Deities of Good Fortune"



God's name, Divine favor, Attributes, etc.	Feature	Deified temples and access
Fukurokuju Happiness, wealth, longevity. Often depicted with carrying a staff.		<i>Shakujōji</i> temple 4-37, Honcho 2-chome, Kawaguchi City TEL:048-222-2046 Walk 10 min. from JR Kawaguchi Station East, etc.
Jurojin Good health, perpetual youth and longevity. Often depicted having a deer or a crane, a symbol of longevity, in tow.		<i>Shogen-ji</i> temple 40, Miyacho 5-chome, Kawaguchi City. TEL:048-252-6448 From JR Nishi-Kawaguchi Station West: take (Mae-shinda junnkan bus) to (LaLa garden Kawaguchi) and walk for 2 min. etc.
Bishamonnten Luck at winning, good-luck, stamp out an epidemic. Guardian of Buddhism. Clads in armor, holds a treasure stick and a part of Buddhism architecture, treasure house.		<i>Kichijo-in</i> 6-8, Minamicho 2-chome, Kawaguchi City TEL:048-252-5949 From JR Nishi-Kawaguchi Station West: take (Mae-shinda junnkan bus) to (Nakacho Shogakko) and walk for 3min. etc.
Hotei Be thronged with customers, good business, happy family. Always depicted with carefree feature and smile.		<i>Shogaku-ji</i> temple 1-14, Motogo 3-chome, Kawaguchi City TEL:048-222-2484 From SR Kawaguchi-motogo Station; walk 10 min. etc.
Ebisu (Genrally known as 「恵比寿」 in Kanji.) Good business. Used to be the God of fishing. Always holding a fishing rod with right hand, sea bream with left hand.		<i>Ketsuden-ji</i> temple 1506, Higashihongo, Kawaguchi City TEL:048-281-1655 From JR Kawaguchi Station East: take a bus bound for (Mine-hachimangu) or (Soukakei Nishiguchi) to (Shingo Nokyo) and walk for 7 min. etc.

Daikokuten Huge harvest. Depicted with carrying a "magic mallet" to produce treasures.		Mitsuzo-in 2008, Angyohara, Kawaguchi City TEL:048-296-0774 From JR Kawaguchi Station East; take a bus bound for (Mine-hachimangu) to (Mine-hachimangu) and walk for 10 min. etc.
Benzaiten Art, scholastic achievement, wealth. The sole goddess in the Seven Deities of Good Fortune. Always holding a lute called Biwa.		Saiko-in 6-29, Tozuka 2-chome, Kawaguchi City TEL:048-295-1034 From JR Musashino line, Higashi Kawaguchi Station; walk for 5 min. etc.

Each god has each blessing divine favor. While making your pilgrimage to the Seven Deities of Good Fortune, you can also learn the temple's history, appreciate Buddhist statues, enjoy greenery of the site. Defying temples are scattered across the city. Why do not you extend your trip to visit them while having a nice walk?

Inforation *Goshuin* Red Stamps

Goshuin is a red stamp which visitors collect when they visit temples and shrines. Also, special notebook for *Goshuin* collection can be purchased at each temple, shrine and stationery shop. It is fantastic to collect other temples' and shrines' *Goshuin* after making pilgrimage of the Seven Deities of Good Fortune .

(Reference:Kawaguchi City Association of Tourist and Products Official Website, etc.)



以散步的心情走访武州川口七福神!

日本人自古以来一直信仰七福神，相信他们能实现各种各样的愿望。关于七福神的起源有多种说法，据说来源于印度教的大黑天是最初的第一位神仙，而现在的七柱（七位）神仙是在江户时代后期间定下来的。七福神是一起乘坐一艘满载金银财宝的宝船而来的。

日本全国各地都供奉着七福神，在川口市也是如此，有七座寺庙各供奉着一柱（一位）神仙，称为“武州川口七福神”。



神仙的名字及其神力和特征	神仙的姿容	供奉着神仙的川口市内的寺庙及交通方式
福禄寿 幸福、财运和长寿之神。他常常手持拐杖。		锡杖寺 川口市木町2-4-37 TEL:048-222-2046 JR川口站东口步行约10分钟 等
寿老人 保佑无病无灾和长生不老之神。他经常带着一只鹿或者仙鹤，象征长寿。		正眼寺 川口市官町5-40 TEL:048-252-6448 JR川口站西口乘坐“前新田循环”巴士，在“ラガーデン川口”站下车步行约2分钟 等
毘沙门天 胜利、幸运和防止瘟疫之神。他是佛法的保护神。身披盔甲，一手拿着名为宝棍的武器，一手托着代表佛教建筑的宝塔。		吉祥院 川口市南町2-6-8 TEL:048-252-5949 JR川口站西口乘坐“前新田循环”巴士，在“仲町小学”站下车步行约3分钟 等
布袋和尚 保佑客人络绎不绝、生意兴隆和家庭圆满幸福之神。豁达的形象和笑容是他的特征。		正觉寺 川口市元乡3-1-14 TEL:048-222-2484 埼玉高速铁道川口元乡站步行约10分钟 等

惠美寿 (通常也写成“惠比寿”) 保佑生意兴隆之神。他原本是一位渔业之神，右手拿着一支鱼竿，左手拿着一条鲤鱼。		杰传寺 川口市东本乡1506 TEL:048-281-1655 JR川口站东口乘坐“峯八幡宫”或“草加站西口”方向巴士，在“新乡农协”站下车步行约7分钟 等
大黑天 保佑五谷丰登之神。他带着一把可以让财宝显现出来的“万宝槌”。		密藏院 川口市安行原2008 TEL:048-296-0774 JR川口站东口乘坐“峯八幡宫”方向巴士，在“峯八幡宫”站下车步行约10分钟 等
弁财天 艺术、学业和财富之神。她是七福神中唯一的女神，带着一种叫做琵琶的弦乐器。		西光院 川口市户塚2-6-29 TEL:048-295-1034 JR武藏野线东川口站步行约5分钟 等

七福神中的每一位神仙都有各自难得可贵的神力。在巡游七福神的同时，大家还可以了解到寺庙的历史，参拜佛像，并欣赏寺院内的绿色景观。供奉着神仙的寺庙分布在市内的各个地方，大家何不以散步的心情走访一下武州川口七福神呢？

小知识 朱印



朱印是寺庙和神社给来参拜的人盖的印章。大家可以在寺庙和神社以及文具店买到朱印册，它是一本可以用来收集各个寺庙和神社的朱印的小册子。除了巡游七福神之外，大家也可以拜访一下其他的寺庙和神社，并将自己喜欢的朱印收集在朱印册里，这也是一种乐趣吧。

(参考资料:川口市观光物产协会主页等)



Hãy đến thăm như một cuộc dạo chơi! “Thất phúc thần của Bushu-Kawaguchi”

Từ xa xưa, người Nhật đã tôn thờ Thất Phúc Thần (Shichi-fuku-jin/ Bảy vị thần may mắn) với nhiều nguyện cầu khác nhau. Về nguồn gốc của Thất Phúc Thần, có những giả thuyết khác nhau nhưng người ta thường nói rằng khởi đầu là vị thần Đại Hắc Thiên (Daikokuten) có nguồn gốc từ vị thần của Hindu giáo, và 7 trụ cột (7 vị thần) đã được cố định như hiện nay vào cuối thời kỳ Edo. Bảy vị thần cùng đến bằng một con tàu chất đầy vàng bạc châu báu.

Thất Phúc Thần được tôn thờ trên khắp nước Nhật Bản. Ngay cả ở thành phố Kawaguchi cũng có 7 ngôi chùa thờ từng 1 trụ cột (1 vị thần) với tên gọi "Thất Phúc Thần của Bushu-Kawaguchi".



Tên gọi, lợi ích và đặc trưng của các vị thần	Hình dáng của các vị thần	Ngôi chùa thờ các vị thần trong TP. Kawaguchi và cách đi đến
Phúc Lộc Thọ (Fukurokuju) Là vị thần của hạnh phúc, phú quý, trường thọ. Tay thường cầm cây gậy.		Chùa Shakujo-ji 2-4-37 Honcho, TP.Kawaguchi ĐT: 048-222-2046 Đi bộ khoảng 10 phút từ cửa Đông ga Kawaguchi JR, v.v.
Thọ Lão Nhân (Jurojin) Là vị thần đem lại không bệnh tật, không già, trường thọ. Ông thường đi cùng với con nai hoặc con sếu là những con vật biểu tượng của sự trường thọ.		Chùa Shogen-ji 5-40, Miyacho, TP.Kawaguchi ĐT: 048-252-6448 Lên xe buýt “tuyến hoàn Maeshinden” tại cửa Tây ga Kawaguchi JR và đi bộ khoảng 2 phút từ trạm xe buýt “Lala Garden Kawaguchi”, v.v.

Bì Sa Môn Thiên (Bishamonten) Là vị thần đem lại chiến thắng, may mắn, thoát khỏi bệnh dịch. Ông mặc áo giáp, tay cầm vũ khí (cây gậy) và một kiến trúc của Phật giáo (bảo tháp).		Chùa Kichijo-in 2-6-8 Minamicho, TP.Kawaguchi ĐT: 048-252-5949 Lên xe buýt “tuần hoàn Maeshinden” tại cửa Tây ga Kawaguchi JR và đi bộ khoảng 3 phút từ trạm xe buýt “trường tiểu học Nakacho”, v.v.
Bô Đại (Hotei) Là vị thần đem lại đông khách đến, làm ăn phát đạt, gia đình hòa thuận hạnh phúc. Ông có đặc trưng hình dáng ôn hòa và nụ cười.		Chùa Shogaku-ji TP.Kawaguchi, Modogo 3-1-14 ĐT: 048-222-2484 Đi bộ khoảng 10 phút từ ga Kawaguchi Motogo của đường sắt cao tốc Saitama
Huệ Mỹ Thọ (Ebisu) (Thông thường cũng có ghi “Huệ Bì Thọ”) Là vị thần đem lại làm ăn phát đạt. Vốn là vị thần của ngư nghiệp, tay phải cầm cần câu, tay trái cầm cá tráp.		Chùa Ketsuden-ji 1506 Higashi Motogo, TP.Kawaguchi ĐT: 048-281-1655 Lên xe buýt đi “Minehachimangu” hoặc “cửa Tây ga Soka” tại cửa Đông ga Kawaguchi JR và đi bộ khoảng 7 phút từ trạm xe buýt “Shingo Nokyo”, v.v.
Đại Hắc Thiên (Daikokuten) Là vị thần của sự giàu có, đại diện cho nông nghiệp và vụ mùa bội thu. Tay cầm “Uchide no kozuchi” (cây búa của sự giàu có) có thể ban kho báu ra.		Chùa Mitsuzo-in 2008 Angyohara, TP. Kawaguchi ĐT: 048-296-0774 Lên xe buýt đi “Minehachimangu” tại cửa Đông ga Kawaguchi JR và đi bộ khoảng 10 phút từ trạm xe buýt “Minehachimangu”, v.v.
Biện Tài Thiên (Benzaiten) Là vị thần của nghệ thuật, học tập, tài sản. Đây là nữ thần duy nhất trong Thất Phúc Thần, và tay cầm đàn tỳ bà.		Chùa Saiko-in 2-6-29 Tozuka, TP. Kawaguchi ĐT: 048-295-1034 Đi bộ khoảng 5 phút từ ga Higashi Kawaguchi của tuyến Misashino JR, v.v.

Mỗi vị thần có một lợi ích riêng. Cùng với việc đến thăm Thất Phúc Thần, bạn có thể tìm hiểu về lịch sử của ngôi chùa, chiêm bái tượng Phật, hay tận hưởng cây xanh trong khuôn viên. Các ngôi chùa thờ Thất Phúc Thần nằm ở nhiều khu vực khác nhau trong thành phố, vậy các bạn hãy đến thăm thử như là một cuộc dạo chơi nhé.



Thông tin nhỏ Goshuin

Goshuin là con dấu đỏ mà các ngôi đền, chùa đóng cho những người đến thăm. Bạn có thể mua sổ Goshuin (là sổ tay nhỏ có thể thu thập nhiều con dấu đỏ) tại các ngôi đền, chùa hoặc các cửa hàng văn phòng phẩm. Ngoài việc đến thăm Thất Phúc Thần ra, bạn cũng có thể thích thú đến thăm các ngôi đền, chùa khác để thu thập những con dấu đỏ trong sổ Goshuin yêu thích của mình.



(Tài liệu tham khảo: Trang web của Hiệp hội Sản vật du lịch TP. Kawaguchi, v.v.)



산책 기분으로 방문해 보자! 부슈 가와구치 칠복신

일본인은 예로부터 다양한 소원을 담아 칠복신을 믿어 왔습니다. 칠복신의 유래에 대해서는 여러가지 설이 있지만, 힌두교의 신에서 유래한 다이고쿠텐이 시작이라고도 해서 현재 7기둥 (7 명)이 고정된 것은 에도 시대 후기라고 전해지고 있습니다. 칠복신은 금은보화를 실은 보물선에 모두 함께 타고 옵니다.

전국 각지에 칠복신이 모셔져 있는데, 가와구치시에도 ‘부슈 가와구치 칠복신’으로서 7개의 절에 1 기둥 (1 명)씩 모셔져 있습니다.



신의 이름과 효험·특징	신의 모습	모셔져 있는 가와구치 시내의 절과 액세스
후쿠로쿠쥬 행복, 재물, 장수. 지팡이를 가지고 있는 경우가 많다.		사쿠조지 절 가와구치시 혼초 2-4-37 TEL : 048-222-2046 JR 가와구치역 동쪽출구에서 도보 약 10 분 등
쥬로진 무병 식재, 불로 장생. 장수의 표시인 사슴과 학을 데리고 있는 경우가 많다.		쇼겐지 절 가와구치시 미야초 5-40 TEL : 048-252-6448 JR 가와구치역 서쪽출구에서 버스 「마에신덴순환」 승차, 「라라가덴 가와구치」 버스 정류장 하차 도보 약 2 분 등
비샤몬텐 승운, 개운, 전염병 퇴치. 불법의 수호신. 갑옷을 몸에 두루고 보봉이라는 무기와 불교 건축물인 보탑을 가지고 있다.		기치조인 사원 가와구치시 미나미초 2-6-8 TEL : 048-252-5949 JR 가와구치역 서쪽출구에서 버스 「마에신덴순환」 승차, 「나카초초등학교」 버스 정류장 하차 도보 3 분 등
호테이순 친객 만래, 사업 번창, 가족 원만. 느긋한 모습과 미소가 특징.		쇼가쿠지 절 가와구치시 모토고 3-1-14 TEL : 048-222-2484 사이타마 고속철도 가와구치 모토고역에서 도보 약 10 분 등
에비수 (일반적으로 ‘惠比寿’라고 쓰기도 한다) 사업 번창. 원래는 어업의 신으로 오른손에 낚싯대, 왼손에 도미를 가지고 있다.		캐쓰덴지 절 가와구치시 히가시혼고 1506 TEL : 048-281-1655 JR 가와구치역 동쪽출구에서 버스 「미네 하치만」 또는 「소카역 서쪽출구」 행 승차, 「신고 농협」 버스정류장 하차, 도보 약 7 분 등
다이고쿠텐 오곡 풍양. 보물을 내기 위한 '요술 방망이'를 가지고 있다.		미쓰조인 사원 가와구치시 안교하라 2008 TEL : 048-296-0774 JR 가와구치역 동쪽출구에서 버스 「미네하치만」 행 승차, 「미네하치만구」 버스정류장 하차, 도보 약 10 분 등
벤자이텐 예술, 학업, 보물. 칠복신 중에 유일한 여신으로 비파라는 현악기를 가지고 있다.		사이코인 사원 가와구치시 토즈카 2-6-29 TEL : 048-295-1034 JR 무사시노선 히가시카와구치역에서 도보 5 분 등

각각 고마운 효험이 있는 칠복신. 칠복신 순회와 함께 사찰의 역사를 알거나, 불상에 절하거나, 경내의 놀음을 즐길 수 있습니다. 모셔져 있는 절은 시내 곳곳에 있으므로, 조금만 발길을 옮겨 산책 기분으로 찾아가 보는 것은 어떻습니까?

토막 지식 고슈인

고슈인은 절과 신사가 참배한 사람에게 붓으로 쓴 글자와 함께 찍어주는 도장입니다. 다양한 사찰의 고슈인을 1권에 모아 둘 수 있는 고슈인 수첩은 절이나 신사나 문구점에서 구입할 수 있습니다. 칠복신 순회 이외의 절이나 신사를 방문해 마음에 드는 고슈인 수첩에 고슈인을 모으는 것도 즐겁겠네요.

(참고 자료 : 가와구치시 관광물산협회 홈페이지 등)



えんぎ た もの 縁起のよい食べ物

にほん あいさつ か とき きょう てんき け さ ひ い しょたいめん ひと ことば
日本では、挨拶を交わす時、「今日はいいお天気ですね」とか「今朝は冷えますね」と言うことがあります。初対面の人と言葉
か なご ば つく た もの どうよう たと いんしょくでん ざせき
を交わしやすくなり、和やかな場を作るきっかけにもなります。食べ物についても同様なことがあります。例えば、飲食店で座席
となり ひと た うれ きも か おも とく えんぎ た もの
が隣になった人と、「おいしいですね」と食べながら嬉しい気持ちを交わしたことがあると思います。特に縁起のよい食べ物が
わだい かいわ はず
話題になると、会話が弾みます。

えんぎ た もの ひと りょうり せつ かんじ つか
縁起のよい食べ物の一つに「おせち料理」があります。おせちの「せち」は「節」という漢字が使わ
きせつ ふしめ いみ にほん いもおん はじ しょうがつ しんぞく あつ たが
れ、季節の節目の意味があります。日本では一年の始まりであるお正月に親族が集まり、お互いの
けんこう あわねが りょうり えんぎ た もの ねが こ た もの
健康や幸せを願います。おせち料理には、さまざまな縁起のよい食べ物や、願いを込めた食べ物
はい つか しょくさい いみ しょくさい
が入っています。ここでは使われている食材とその意味をいくつか紹介します。



えび なが は せなか まる こし ま ながい ねが
海老:長いひげを生やし、ゆでると背中が丸くなるため、腰が曲がるまで長生きすることを願います。
たこ たこ ことば ひげ しあわ ねが

タコ:多幸という言葉の響きにあわせて、たくさんの幸せを願います。

かず こ かず こ にしん たまご にしん おおぜい こ で ことば しそんはんえい ねが
数の子:数の子はニシンの卵で、ニシンから大勢の子が出るという言葉をかけて、子孫繁栄を願います。

くり かんじ きんとん か こがねいろ かがや さいほう たとえ ゆた いちらん ねが
栗きんとん:きんとんは、漢字では「金団」と書きます。黄金色に輝く財宝に例えて、豊かな一年を願います。



くろまめ ひ や はたら じょうぶ す ねが じやき
黒豆:日に焼けてまめに働く、丈夫に過ごせることを願い、邪気をはらいます。

れんこん あな さき しょうらい みとお ねが
レンコン:穴があいているので、先(将来)を見通せることを願います。

こんぶ かんじ ようろうこ ぶ か おと に べつ ことば あ ちが い み あらわ ことば
昆布:漢字で「養老昆布」と書いたものは「よろこぶ」と音の似た別の言葉を当てて、違う意味を表す言葉
あそ いっしゅ ごろあ しら
遊びの一種、つまり語呂合わせをしています。

ほか さまざま しょくさい
他にも様々な食材があるので、ぜひ調べてみてください。

りょうり ようろうこ ぶ ごろあ た もの えんぎ た もの たと にゅうがく
おせち料理の「養老昆布」のほかに、語呂合わせのよい食べ物を「縁起のよい食べ物」とすることもあります。例えば、入学
しけん しゅうしょくしけん しあい か ねが こ かつ た かつ しょくにく しょくさい ばんこ
試験や就職試験、そして試合などに「勝つ」との願いを込めて「カツ」を食べることがあります。カツは、食肉などの食材にパン粉
あぶら あ にほん りょうり いっしゅ かつどん かつ かれー かつさんど た おお
をつけて、油で揚げた日本の料理の一種です。カツ丼、カツカレー、カツサンドなどとして食べることが多いです。
いっぽう かいがい め む ふいりびん たんじょうび す ぱげてい びーふん なが た ちようじゅ ねが
一方、海外に目を向けると、フィリピンでは誕生日にスパゲティやピーフンなどの長いものを食べて、長寿を願います。
べとなむ しけんまえ りくとう あかまめ た まめ べとなむ ねご だう はつおん ごうかく おな はつおん おな もじ
ベトナムでは、試験前に緑豆や赤豆を食べます。豆はベトナム語で「ダウ」と発音し、「合格する」と同じ発音で、しかも同じ文字
つか くろ えんぎ わる くろまめ さ ちゅうごく いちぶちいき てすと とき もようしょく あ
を使うためです。ただし、黒は縁起が悪いので黒豆は避けるそうです。また、中国の一部地域では、テストの時の朝食に揚げ
ぱん いち たまごふた ぜろぜろ なら ひやく みた た ひやくでん ねが みな えんぎ
パンを「1」、ゆで卵2つを「00」、それらを並べて「100」と見立てて食べて、100点を願うそうです。皆さんはどのような縁起
た もの し みぢか しょくさい しら あたら はつけん のよい食べ物を知っていますか?身近な食材などを調べてみると、新しい発見があるかもしれませんね。



Foods That Supposed to Bring Good Fortune

When we exchange greetings, we often start with phrases as "What a fine day, isn't it?", "It is chilly this morning, isn't it?", etc. in Japan. Such phrases make it possible to converse with people you have met for the first time and easily bring a congenial atmosphere. We can say that food culture has the same effect. For instance, there might have been a chance for you to share your satisfaction with someone who just happened to be sitting next to you in a restaurant, saying, "Tastes very good, isn't it?". Especially when certain foods that are believed to bring a good fortune come up in conversation, the conversation is enlivened.

One of the auspicious foods, we have "Osechi (traditional Japanese New Year meal)". When you write "Osechi", you use a kanji "節" for it, which means a "seasonal point". In Japan, family and relatives gather together during New Year holidays to wish each other's good health and fortune at the beginning of the year. "Osechi" meal contains a variety of auspicious foods and foods full of wishes. Here, I am going to show you some of the ingredients and reasons of their luck.

Shrimp, Prawn: After its appearance of drooping side whiskers and bending almost double when is boiled, we wish to have a long life till get to the old age.

Octopus (Tako): "Tako" sounds like "Takou (great happiness)". Wish to have a year full of happiness.

Herring roe: After the fecundity of herring, wish the prosperity of descendants.

Sweetened mashed chestnut(Kuri-Kinton) : When you write *Kinton* in *kanji*, it is “金团(gold & plump)”. Its golden color reminds you of brilliant golden treasures. Wish to have a year of fertility.

Black bean (Kuro-mame) : Wish to work diligently (*mame* in Japanese) till get a good tan, also, can enjoy a good health. It is also believed that *Kuro-mame* drives away noxious vapors.

Lotus root : After its tubular holes, wish to be able to see through the future.

Kelp (Konbu) : Sometimes apply the word “養老(old age)” before *konbu* to read “養老昆布(*Yo-Ro-Konbu*)”. Punning it and “*Yorokobu*(rejoice)”. Just playing a word game using the similarity between two different words.

There are more ingredients in *Osechi* that you can find lucky meanings.

Like above mentioned “*Yo-Ro-Konbu*”, foods that have euphonious names are also included in auspicious foods. For example, punning “cutlet(*katsu*)” and “win(*katsu*)”, you eat cutlet before taking entrance exam, employment exam, or contests, etc. In here, *katsu* is a Japanese style deep fried breaded pork, a kind of home-cooked meal. We usually have it in the form of *katsu-don*(cutlet rice bowl), *katsu-curry*, *katsu-sandwich*,etc.

Now, turn our eyes to foreign countries. In the Philippines, people wish longevity by eating something long such as spaghetti, rice vermicelli, etc. on birthday. In Vietnam, people eat mung bean or red kidney bean before sitting for an exam. Because they share the same pronunciation and spelling, “DAU(“bean” and “pass”)”. Note, however, that you should avoid black soybean because black has a sign of bad luck. In some regions in China, on the morning of an exam, they eat a deep-fried long roll (1) and two boiled eggs (00). Set them in a line, then you will get a score 100. Do you know any other auspicious foods? Look carefully into foods and meals, you might have a new discovery.



吉祥的食物

在日本，互相问候的时候，会说“今天天气真好啊”或者“今天早上好冷啊”。这种方式使得与从初次见面的人更容易进行交流，并有助于创造一种友好的气氛。谈论食物也有同样的效果。例如，在餐厅吃饭时与坐在你旁边的人寒暄说：“这很好吃啊”。边吃边交换开心的心情。特别是谈到吉祥食物这个话题的时候，会聊得很起劲。

“年节菜”是吉祥食物之一。日语“おせち”中的“せち”的汉字是“节”，有季节的转换之意。在日本，新年是一年的开始，亲属们聚集在一起，互相祝愿健康和幸福。年节菜里有包含各种吉祥和祝愿意义的食物。下面将对年节菜中所使用的几种食材及其意义进行介绍。

大虾: 大虾有长长的胡须，煮熟后，它们的背部会蜷缩起来，有人们希望能活得足够长，直至腰部弯曲之意。

章鱼: 这个词的日语发音与“多幸”的日语发音相似，有希望得到很多幸福之意。

鲱鱼籽: 鳀鱼籽是鲱鱼的卵，以鲱鱼多子之意，祈愿子孙繁茂。

栗子金团: “きんとん”写成汉字为“金团”。象征金光闪闪的财宝，有希望来年繁荣之意。

黑豆: 寓意希望被太阳晒得发黑，勤奋工作，有祝愿新的一年身体健康，避开邪恶之意。

莲藕: 因为有孔，有能预见未来，对未来充满希望之义。

海带: 用汉字“养老海带”来写时，与日语的“喜悦”发音相似，这是用相似的音来表达不同意思的词的一种文字游戏，也就是谐音。

年节菜中还有其他各种各样的食材，你也来查一下它们的含义吧。

除了年节菜中的“养老海带”之外，其他容易用于谐音的食物有时也被称为“吉祥食物”。例如，在入学考试、就职考试以及比赛前，为了祈愿“胜利”，有时会吃“炸猪排”。炸猪排是使用猪肉等食材裹上面粉，油炸而成的一种日本的料理。通常被做成猪排盖饭、猪排咖喱和猪排三明治等来吃。

另一方面，在菲律宾过生日的时候吃意大利面、米粉等长的东西，祈愿长寿。在越南，考试前吃绿豆和红豆。因为豆子在越南语中发音为“dao”，与“合格”的发音相同，并且文字也一样。但是，黑色不吉利，所以避开黑豆。另外，在中国的一部分地区，考试的时候午饭吃1根油条和2个煮鸡蛋，1根油条代表“1”，2个煮鸡蛋代表“00”，把它们放在一起就可以视为“100”，表示希望考试能得100分。大家知道哪些吉祥的食物吗？试着调查身边的食材，也许你会有新的发现呢。



Món ăn đem lại may mắn

Ở Nhật, khi chào nhau, mọi người thường nói “Thời tiết hôm nay đẹp nhỉ!” hay “Sáng nay trời lạnh nhỉ!”. Đây cũng được coi là câu khai đầu để tạo nên sự thân mật, cởi mở với người lần đầu gặp mặt. Nói về đồ ăn cũng giống như vậy. Ví dụ, khi có người ngồi cạnh mình ở trong quán ăn, chúng ta chắc hẳn đã từng vừa ăn, vừa trao đổi cảm xúc vui vẻ với câu nói “đồ ăn ngon nhỉ!”. Đặc biệt, khi các món ăn đem lại may mắn là chủ đề, cuộc nói chuyện sẽ trở nên sôi nổi hơn.

Một trong những món ăn đem lại may mắn, đó là *Osechi-ryori* (Món ăn Tết Nhật Bản). Chữ “sechi” trong *Osechi* được sử dụng từ chữ hán 節, có nghĩa là thời khắc chuyển giao của mùa. Ở Nhật, vào dịp Tết là thời điểm bắt đầu của một năm, cả gia đình thường tụ tập đông đủ và cầu chúc cho nhau sức khỏe, hạnh phúc. Trong *Osechi-ryori*, người ta thường đặt vào rất nhiều món ăn đem lại may mắn và món ăn gửi gắm cả những điều mong ước. Chúng tôi sẽ giới thiệu một vài thành phần nguyên liệu được sử dụng ở trong đó và ý nghĩa của chúng.



Tôm (ebi) : là loài vật có râu dài, khi luộc chín, phần lưng cong lại, thể hiện mong muốn được sống trường thọ cho đến khi lưng bị cong.

Bạch tuộc (tako): có phát âm giống với từ “takou” – đa hạnh, thể hiện mong muốn có nhiều hạnh phúc.

Trứng cá trích (kazu-no-ko): ngũ ý từ hình ảnh cá trích đẻ rất nhiều con, thể hiện mong muốn đông con đông cháu.

Hạt dẻ nghiên (kuri-kinton): Kinton viết bằng chữ hán là 金团. Được ví giống như kho báu tòa ánh sáng vàng lấp lánh, thể hiện mong muốn một năm giàu có, sung túc.

Đậu đen (kuro-mame): thể hiện mong muốn khỏe mạnh, có thể làm việc chăm chỉ hàng ngày và xua đuổi tà khí.

Củ sen (renkon): có rất nhiều lỗ, thể hiện mong muốn có thể nhìn thấu, suy đoán được tương lai.

Tảo bẹ (konbu): có loài “yourou-konbu” (viết bằng chữ Hán là 養老昆布) gần giống với cách phát âm của từ “yorokobu” – vui vẻ, phấn khởi. Đây được gọi là goro-awase, một cách chơi chữ thể hiện một ý nghĩa khác.

Ngoài ra còn có rất nhiều nguyên liệu khác, các bạn nhất định hãy thử tìm hiểu nhé.

Ngoài “yourou-konbu” trong món osechi-ryori, có rất nhiều món ăn có thể chơi chữ goro-awase thành món ăn đem lại may mắn. Ví dụ, trong kỳ thi đại học, cuộc phỏng vấn việc, hay các cuộc thi đấu, người ta sẽ thường ăn các món “katsu” để gửi gắm mong ước được “katsu” – chiến thắng. “Katsu” là một loại món ăn của Nhật sử dụng nguyên liệu như thịt, tẩm bột bánh mì và rán bằng dầu. Có rất nhiều món có thể ăn như katsu-don, katsu-care hay katsu-sando....



Mặt khác, nếu nhìn ra các nước khác, ở Phillipin, vào ngày sinh nhật, mọi người sẽ ăn những món có sợi dài như mỳ Ý, bún đê mong muốn trường thọ. Ở Việt Nam, trước kỳ thi, mọi người hay ăn đậu xanh và đậu đỏ. Bởi vì từ “đậu” trong tiếng Việt còn có ý nghĩa là “(thi) đậu”. Tuy nhiên, màu đen mang lại xui xẻo nên mọi người sẽ không ăn đậu đen. Ngoài ra, tại một số địa phương của Trung Quốc, vào bữa sáng trước khi thi, người ta sẽ ăn bánh mì nướng tượng trưng cho số 1 và 2 quả trùng luộc tượng trưng cho số 00, khi xếp chúng lại sẽ thành 100, với mong muốn được 100 điểm. Các bạn có biết về những món ăn đem lại may mắn giống như vậy không? Hãy thử tìm hiểu về các món ăn xung quanh bạn, có thể bạn sẽ có những phát hiện mới đây.



운이 좋은 음식

일본에서는 인사를 나눌 때 “오늘은 날씨가 좋네요”라든가 “오늘 아침은 춥네요”라고 하는 경우가 있습니다. 처음 만나는 사람과 이야기를 나누기가 쉬워지고 화기애애한 자리를 만드는 계기가 되기도 합니다. 음식에 관해서도 비슷한 일이 있습니다. 예를 들면, 음식점에서 옆자리에 앉은 사람하고 “맛있네요”하고 먹으면서 기쁨을 나눈 적이 있을 것입니다. 특히, 운이 좋은 음식이 화제가 되면 대화가 활기를 띕니다.

운이 좋은 음식의 하나로 ‘오세치요리(설날음식)’가 있습니다. 오세치의 ‘세치’는 ‘절(節)’이라는 한자를 써서 계절의 절목이라는 의미가 있습니다. 일본에는 한 해의 시작이 되는 설날에 친척들이 모여서 서로의 건강과 행복을 기원합니다. 오세치요리는 여러가지 운이 좋은 음식과 소원을 담은 음식이 들어 있습니다. 여기에서는 사용되는 식재료와 그 의미를 몇 가지 소개하겠습니다.



새우 : 수염을 길게 기르고 삶으면 등이 둥글어지므로 허리가 굽을 때까지 오래 사는 것을 기원합니다.

청어알 : 청어의 알로 청어에서 많은 아이가 나온다 말을 연관시켜 자손 번영을 기원합니다.

구리킨تون : 킨تون은 한자로는 ‘금단(金團)’이라고 씁니다. 황금색을 빛나는 재산과 보물에 비유하여 풍성한 일년을 기원합니다.

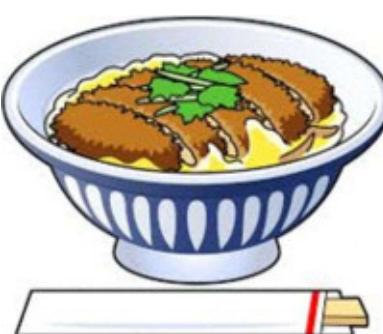
검은 콩 : 햇빛에 타면서 부지런히 일하고, 건강하게 지내길 바라며, 악귀를 쫓습니다.

연근 : 구멍이 뚫려 있으므로 앞날 (장래) 를 내다볼 수 있기를 기원합니다.

다시마 : 한자로 ‘요로콘부(養老昆布)’라고 쓴 것을 ‘요로코브(기뻐하다)’라는 음과 비슷한 다른 말에 맞추어 다른 의미를 나타내는 말놀이의 일종으로 즉 어조를 맞추고 있습니다.

그 밖에도 여러가지 식재료가 있으므로 꼭 알아보십시오.

오세치요리의 ‘요로콘부’ 이외에도 어조를 맞춘 음식을 ‘운이 좋은 음식’이라고 하는 것도 있습니다. 예를 들면 입학시험이나 취직시험 그리고 시합 등에 ‘이긴다(카츠)’는 소원을 담아 ‘카츠’를 먹을 때가 있습니다. 카츠는 고기 등의 식재료에 빵가루를 묻혀서 기름에 튀긴 일본요리의 일종입니다. 카츠덮밥, 카츠카레나 카츠샌드위치 등으로 먹을 때가 많습니다.



한편, 해외에 눈을 돌리면 필리핀에서는 생일날에 파스타나 비훈 등 긴 것을 먹으며 장수를 기원합니다. 베트남에서는 시험전에 녹두나 팥을 먹습니다. 콩은 베트남어로 ‘다우’로 발음하며 ‘합격하다’와 같은 발음으로, 개다가 같은 문자를 사용하기 때문입니다. 다만, 검은색은 운이 나빠서 검은콩은 피하는 것 같습니다. 또한, 중국의 일부 지역에서는 시험 볼 때 아침에 튀긴 빵을 ‘1’, 삶은 달걀 2개를 ‘00’, 그것들을 나란히 늘어놓고 ‘100’이라고 보고, 100점을 바란다고 합니다. 여러분은 어떤 운이 좋은 음식을 알고 있습니까? 가까이에 있는 식재료 등을 알아보면 새로운 발견이 있을지도 모르겠네요.



かわぐちし ばらんていあにほんごきょうしきょうかい

川口市のボランティア日本語教室紹介

にほんごばらんていあかい

～はとがや日本語ボランティアの会～

にほんごばらんていあかい いぜん はとがやこうみんかん かいさい

こうみんかん たか つか

「はとがや日本語ボランティアの会」は以前、鳩ヶ谷公民館で開催されていましたが、公民館が建て替えのため使えなくなってしまった、昨年の9月からは、みのりこども園に場所を移して実施しています。他の市の施設では安定して予約をとることが難しく、公民館以外で開催できる場所を探すのはなかなか大変だったようです。現在、学習者は小さい子どもたちが普段使っている机や椅子を使い、可愛らしい教室の中で日本語を勉強しています。公民館とは違う雰囲気を味わえる教室だと思います。



コロナ禍の前、公民館で開催した様子

にほんごばらんていあかい ちゅうごく べとなむ ふりいりびん たい しゅふしんしや
「はとがや日本語ボランティアの会」では中国・ベトナム・フィリピン・タイなどの出身者
にほんご まな しごと つごう こ とき なが ひと じゅう
が日本語を学んでいます。仕事の都合などで来られない時もありますが、長い人は十
すうねんかん かよ づづ ほんじん けっこん しゅふ さんねんかん ざいゆうきかん
数年間も通い続けています。日本人と結婚している主婦もいれば、3年間と在留期間
げんじん ぎのうじゅうせい できすと きよしつ ようい つか
限定の技能実習生もいます。テキストは、教室で用意しているものを使いますが、
がくしゅうしゃほんにん も なか にほんご べんきょう こうみんかん ちがふんいき あじ きよしつ おも
学習者本人が持ってくることもあります。中には、日本語能力試験を目指して勉強して
ひと
いる人もいます。

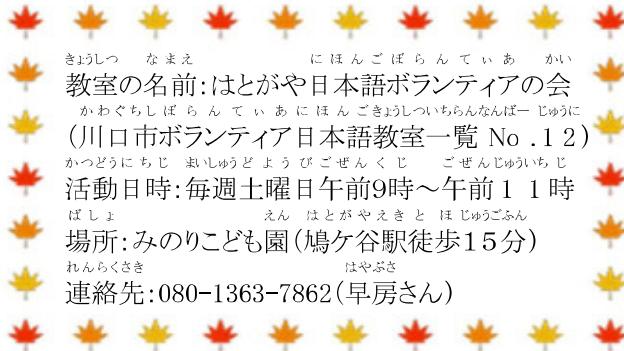
きょうしつ かんき てつてい て ゆび しょうどうく おこな できせつ きより と がくしゅう
教室では換気を徹底し、手と指の消毒も行い、適切な距離を取りながら学習しま
じっさい ころなか えいきょう たいおう ばらんていあにんずう かぎ いま
す。できれば1対1で対応したいところですが、実際はコロナ禍の影響で対応できるボランティアの人数が限られています。今
ばらんていあひとり たい がくしゅうやすうにん たいおう
はボランティア1人に対して学習者数人に対応しているということです。かつては、
いっしょ しりつかがくかん ぶらねたりうむ い りようり つく ぱー ていい
一緒に市立科学館のプラネタリウムに行ったり、料理を作りパーティーしたりしてい
はや かつどう さいかい ひ ま
ました。早くそのような活動も再開できる日が待たれます。



コロナ禍の前、会食の様子

ボランティアには、市が開催する日本語ボランティア養成講座に参加したのを
かつどう こんかい はなし はやぶさ しごと
きっかけに活動しているかたもいます。今回お話をうかがった早房さんは、お仕事
たいくふ あと ゆうじん しょうかい かい さんか じょうじかつどう
を退職した後、友人の紹介でこの会に参加したそうです。當時活動している
ほらんていあごろくめい
ボランティアは5~6名くらいです。また、やっていてよかったです尋ねたところ、日本人との交流を楽しみに教室に来ている外国人に、地域での生活に役立つ
じょうほう ていきよう はな とく ししゅんき こ ほん がっこせいかつ なや おやこいっしょ
情報を提供できることだと話していました。特に、思春期のお子さんが日本の学校生活になじめず悩んでいたときに、親子一緒に
そだん よ なや おお としごろ こ ぶれっしゃー かん ほんしゃかい と こ
に相談にのれたのはとても良かったそうです。悩みが多い年頃の子どもにプレッシャーを感じさせることなく、日本社会に溶け込
たいへん ちいき す がいくじん ささ ばらんていあ ゆういぎ かつどう
ませるのは大変ですよね。地域に住む外国人を支えるボランティアとして、とても有意義でやりがいのある活動をやっているのだ
かん
と感じました。

また過去には、教室のボランティアが用事でベトナムに行くことがあり、かつて技能実習生として来日していた学習者に連絡を
ど はのい よにん さいかい れすとらん かんげいかい ひら
取ったところ、ハノイで4人と再会でき、レストランで歓迎会を開いてもらったそうです。このようなことは、外国人に日本語を教え
ばらんていあ ふ ここあたた えびそど かんだ き げんき かつどう づづ
るボランティアだからこそ触れられる、心温まるエピソードですね。これからも、お体に気をつけながら元気に活動を続けてください。



現在の学習の様子

A Volunteered Japanese Language Class in Kawaguchi City ~ Hatogaya Japanese Volunteer Club ~

Hatogaya Japanese Volunteer Club, which used to be held at Hatogaya Community Center, have been moved to Minori KODOMOEN since last September due to the reconstruction of the Community Center. They found it was quite difficult to keep a room for their activity in one of the municipal owned facilities, so they had spent a hard time in finding a room in other facilities. Now, they are giving Japanese lessons using tables and chairs for kids in a tiny room that are usually used by toddlers. In here, you can enjoy a different atmosphere from Community Centers you usually use.

In here, people from China, Vietnam, Philippines, Thailand, etc. are learning Japanese. Sometimes they have to skip the lessons due to their work, though some of them are coming to this Club for more than a decade. Learners are from housewives who married to Japanese husbands to Technical Interns with only three years' residence permission. As for learning materials, the Club provides some, but some of the learners bring their own material of choice. Of course there are learners that are aspiring for taking Japanese-Language Proficiency Test.

With an all-out ventilation, sanitation of hand and fingers, also keeping appropriate distance each other, they are learning Japanese. Preferably, they want to have a person-to-person lesson, though the number of teaching staff is limited at the time due to the pandemic. Currently they are taking one teaching staff – several learner method. They say they used to have excursions like visiting a planetarium at a municipal science museum, or having cooking parties before. I wish those days will come back to them soon.

For some teaching staffs, taking a Course for Training Japanese Volunteer was the start of their teaching activity here. Ms. Hayabusa, who answered our interview today, said she joined this Club through her friend's introduction after her retirement. This Club has 5-6 regular teaching staffs. When we ask her what makes you happy in doing this, she answered it was when she could provide useful information of the area to learners who are anxious to communicate with Japanese. Especially, she was pleased when she could be of help when a child at puberty who had the problem of getting used to school life came to her with a parent. I can understand how difficult it is to have a child at a time of life filled with worries to fit in Japan's local community. As one of the volunteers trying to support foreign residents in local community, I was impressed by their activities as very significant and rewarding.

When one of the staffs contacted a former learner who had been in Japan as Technical Interns on the occasion on visiting Vietnam, the staff and four former learners got together again to hold a dinner party at a restaurant in Hanoi. What a heartwarming episode which only a volunteer staff who is engaging in teaching Japanese to foreign residents in local community can have. I wish their well-being and the Club's success forever.



川口市志愿者日语教室的介绍 — 鸣谷日语志愿者之会 —

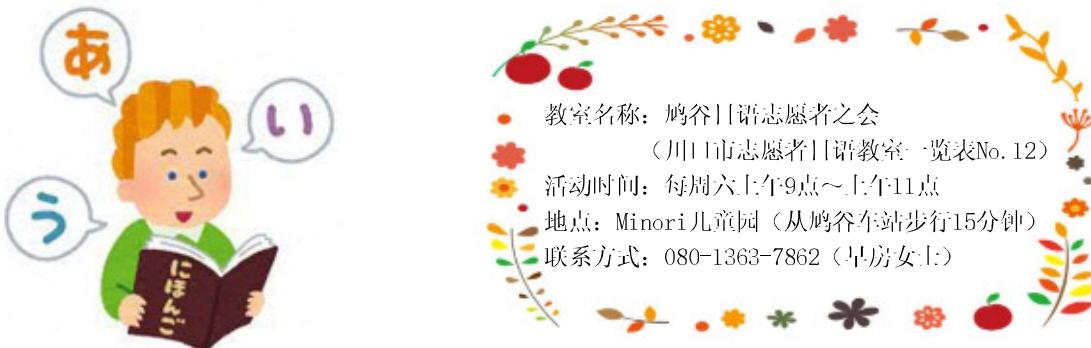
日语教室“鸣谷日语志愿者之会”以前设在鸣谷公民馆，但是由于公民馆的改建，不能再使用了。从去年9月开始将教室的场所转移到了Minori儿童园。由于很难在市的其他设施获得稳定预约，要在公民馆以外找到一个地方来举办确实非常不易。现在，学员们在可爱的教室里学习日语，用的是孩子们平时用的桌子和椅子。我觉得这是一个能感受和公民馆不同氛围的教室。

在“鸣谷日语志愿者之会”学习日语的人，分别来自中国、越南、菲律宾、泰国等国家。尽管他们有时会由于工作的原因不能来，有些人已经坚持来学习十多年了。既有和日本人结婚的主妇，也有在留期间限定为3年的技能实习生。教材虽是使用教室里准备好的，但也有学员本人带来的。学员中也有以日语能力考试为目标而来的学员的。

教室实行彻底换气、消毒手指，并保持适当距离的措施开展学习活动。如果可能的话，我们希望能提供一对一的指导方式，但是实际上由于受新冠疫情的影响，能来参加的志愿者人数有限。现状是一名志愿者对应几名学员。以前，大家一起去过市立科学馆的天文馆，一起做料理和聚会。真希望能尽快恢复此类活动。

志愿者中，也有以参加市举办的日语志愿者培训讲座为契机而开始参加这项活动的人。这次接受采访的早房女士是在退休之后，经朋友介绍参加了这项活动。平时参加活动的志愿者大约5到6人。另外，当我问她“觉得开展这项志愿者活动的意义是什么”时，她说是可以为那些期待与日本人交流而来教室的外国人提供有关社区生活的有用信息。特别是青春期的孩子因无法适应日本的学校生活而烦恼的时候，能为孩子与家长提供建议真是太好了。让处于多愁善感的年龄段的孩子们毫无压力地融入日本社会是非常困难的。我感到作为支持生活在社区的外国人的志愿者，他们做的事情是非常有意义和有价值的。

另外，曾经一名教室里的志愿者有事去越南，她联系了过去作为技能实习生来日本的学员，结果她在河内见到了四个学员，学员们还为她一家餐馆举行了欢迎宴会。这样的事情，正是因为是教外国人日语的志愿者才能体验到。这是一个温暖人心的小插曲。我希望志愿者们保重身体，继续开展活动。



Giới thiệu lớp học tiếng Nhật tình nguyện ở thành phố Kawaguchi ~ Hội dạy tiếng Nhật tình nguyện Hatogaya ~

“Hội dạy tiếng Nhật tình nguyện Hatogaya” trước đây được tổ chức ở Trung tâm cộng đồng Hatogaya, tuy nhiên, do Trung tâm này đang được xây dựng lại, không thể sử dụng, nên từ tháng 9 năm ngoái, đã được di chuyển sang Vườn trẻ Minori và tổ chức tại đây. Việc hẹn lịch cố định tại các cơ sở khác thuộc thành phố rất khó khăn nên việc tìm kiếm địa điểm có thể tổ chức ngoài Trung tâm cộng đồng đã khá vất vả. Hiện nay, học viên đang sử dụng bàn và ghế của trẻ em mẫu giáo thường dùng và học Tiếng Nhật ở trong những lớp học rất đáng yêu. Chúng tôi nghĩ rằng đây sẽ là lớp học đem lại trải nghiệm mới với bầu không khí khác so với Trung tâm cộng đồng.

“Hội dạy tiếng Nhật tình nguyện Hatogaya” có học viên đến từ nhiều nước như Trung Quốc, Việt Nam, Phillipin, Thái Lan,... đang học tiếng Nhật. Mặc dù có những lúc không thể đến tham gia vì bận công việc, nhưng người tham gia lâu nhất cũng đã hơn 10 năm. Lớp học có người nội trợ đã kết hôn với người Nhật, hay thực tập sinh kỹ năng có thời hạn lưu trú tối đa 3 năm. Giáo trình sử dụng là những tài liệu đã được chuẩn bị sẵn ở lớp học, nhưng cũng có lúc bản thân các học viên mang đến. Trong lớp cũng có người đang theo học để hướng tới mục tiêu là đỗ kỳ thi năng lực tiếng Nhật.

Tại lớp học, quá trình học tập được tiến hành đồng thời với việc triệt để thực hiện thông thoáng gió, khử trùng tay và ngón tay, giữ khoảng cách phù hợp. Nếu có thể, lớp muốn tổ chức theo hình thức 1 đổi 1, tuy nhiên, trên thực tế, do ảnh hưởng bởi dịch corona, số lượng tình nguyện viên có thể tham gia bị hạn chế. Hiện nay, chỉ có 1 tình nguyện viên hướng dẫn tất cả học viên. Trước đây, mọi người đã cùng nhau đi ngắm mô hình vũ trụ ở Bảo tàng khoa học thành phố, cùng nhau chế biến món ăn và tổ chức tiệc. Chúng tôi đang mong chờ sớm đến ngày có thể tổ chức lại các hoạt động như vậy.

Tại hội tình nguyện, có những người hoạt động ban đầu chỉ là vì đã tham gia khóa đào tạo dạy tiếng Nhật tình nguyện do thành phố tổ chức. Bà Hayabusa, người chúng tôi phỏng vấn lần này đã cho biết sau khi nghỉ hưu, được một người bạn giới thiệu nên đã tham gia vào hội. Số tình nguyện viên đang hoạt động thường xuyên là khoảng 5-6 người. Khi được hỏi về điều đã khiến bà cảm thấy vui (khi tham gia ở hội), bà cho biết đó chính là việc cung cấp các thông tin có ích trong cuộc sống tại địa phương cho người nước ngoài đến lớp học để giao lưu với người Nhật một cách vui vẻ. Đặc biệt khi một đứa trẻ ở tuổi dậy thì, đang rất lo lắng để không bị bắt nạt trong trường học tại Nhật, bà đã cảm thấy rất vui khi được cùng tham gia trao đổi giữa phụ huynh và học sinh. Đối với trẻ em đang ở tuổi dậy thì với nhiều sự lo lắng, việc hòa nhập vào xã hội Nhật Bản mà không chịu áp lực thì rất khó khăn. Tôi đã cảm thấy bà ấy đang làm những công việc có ý nghĩa và bổ ích với tư cách là tình nguyện viên giúp đỡ người nước ngoài sống ở địa phương.

Trước đây, một tình nguyện viên của lớp học có cơ hội đến Việt Nam, đã liên lạc được với học viên trước đó đến Nhật theo tư cách thực tập sinh kỹ năng, và có cơ hội gặp lại 4 người ở Hà Nội cũng như được tổ chức một bữa tiệc chào đón tại nhà hàng. Những câu chuyện như vậy là điều rất ấm áp, chạm được đến trái tim của những tình nguyện viên đang dạy tiếng Nhật cho người nước ngoài. Bây giờ cũng vậy, mọi người hãy cùng giữ sức khỏe để tiếp tục các hoạt động đầy sức sống của hội.

- Tên lớp học: Hội dạy tiếng Nhật tình nguyện Hatogaya
- (Danh sách lớp dạy tiếng Nhật tình nguyện tại thành phố Kawaguchi số 12)
- Thời gian hoạt động: Thứ bảy hàng tuần từ 9 giờ sáng đến 11 giờ sáng.
- Địa điểm: Vườn trẻ Minori (từ ga Hatogaya, đi bộ 15 phút)
- Thông tin liên hệ: 080-1363-7862 (Bà Hayabusa)



가와구치시 볼런티어 일본어 교실 소개

~ 하토가야 일본어 볼런티어회 ~

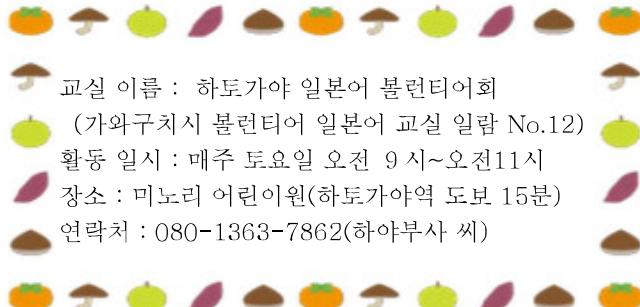
'하토가야 일본어 볼런티어회'는 전에는 하토가야 공민관에서 개최되었으나 공민관이 재건축을 위해 사용할 수 없게 되어 작년 9월부터 미노리어린이원에 장소를 옮겨서 실시하고 있습니다. 다른 시의 시설에서는 안정적으로 예약을 할 수 없어서, 공민관 이외에서 개최할 수 있는 장소를 찾는 것은 무척 힘들었던 것 같습니다. 현재, 학습자는 아이들이 평소 사용하고 있는 책상이나 의자를 사용하며, 귀여운 교실에서 일본어를 공부하고 있습니다. 공민관과 다른 분위기를 맛 볼 수 있는 교실이라고 생각합니다.

'하토가야 일본어 볼런티어회'에서는 중국·베트남·필리핀·타이 등의 출신자가 일본어를 배우고 있습니다. 일상으로 올 수 없는 때도 있지만, 오래된 분은 수십년동안 다니고 있습니다. 일본사람과 결혼한 주부도 있고 3년간 채류기간한정의 기능실습생도 있습니다. 교재는 교실에서 준비한 것을 사용하지만, 학습자 본인이 들고 온 것도 있습니다. 그 중에는 일본어 능력시험을 목표로 공부하고 있는 사람도 있습니다.

교실에서는 환기를 철저히 하고, 손소독도 하며 적절한 거리를 두면서 공부합니다. 가능하면 1대1로 대응하고 싶지만, 실제로는 코로나세상의 영향으로 대응할 수 있는 볼런티어의 수가 제한되어 있습니다. 지금은 볼런티어 한명당 학습자 몇 명이 대응하고 있습니다. 전에는 함께 시립과학관의 플라네타리움에 가거나 요리를 하여 파티를 하였습니다. 빨리 그런 활동도 다시 할 수 있는 날을 기다리고 있습니다.

볼런티어 중에는 시가 개최하는 일본어 볼런티어 양성 강좌에 참가한 것을 계기로 활동하고 있는 분도 있습니다. 이번에 이야기를 들은 하야부사 씨는 일을 퇴직한 후 친구의 소개로 이 모임에 참가했다고 합니다. 항상 활동하고 있는 볼런티어는 5~6명정도입니다. 또한 볼런티어를 하면서 좋았던 점을 물었을 때, 일본사람과의 교류를 기대하면서 교실에 오고 있는 외국사람에게 이 지역에서의 생활에 도움이 되는 정보를 제공할 수 있는 것이라고 했습니다. 특히, 사춘기의 자녀가 일본의 학교생활에 적응하지 못해 고민하고 있었을 때, 부모와 자녀를 함께 상담해 줄 수 있었던 것이 너무 좋았다고 합니다. 고민이 많은 나이의 아이에게 부담을 주지 않고, 일본사회에 융화시키는 것은 힘들겠지요. 이 지역에 사는 외국인을 지지하는 자원봉사자로서 매우 의미가 있고 보람이 있는 활동을 하고 있다고 느꼈습니다.

또, 과거에는 교실의 자원봉사자가 일로 베트남에 갈 일이 있어, 전에 기능실습생으로 일본에 온 적이 있던 학습자에게 연락을 하여 하노이에서 4명이 재회했을 때, 레스토랑에서 환영회를 해 주었습니다. 이러한 일들은 외국인에게 일본어를 가르치는 자원봉사자로서 경험할 수 있는 마음을 따뜻하게 해주는 에피소드네요. 앞으로도 뜻 조심하면서 건강하게 활동해 주십시오.



교실 이름 : 하토가야 일본어 볼런티어회
(가와구치시 볼런티어 일본어 교실 일람 No.12)
활동 일시 : 매주 토요일 오전 9시~오전11시
장소 : 미노리 어린이원(하토가야역 도보 15분)
연락처 : 080-1363-7862(하야부사 씨)



にほんご つか やさしい日本語を使ってみましょう

にほんご がいこくじん やさしい日本語とは、外国人にもわかりやすく配慮した簡単な日本語のことです。次の言葉をやさしい日本語に言い換えてみましょう！

1. 記入してください
きにゅう
ふめい てん しつもん
2. ご不明な点や質問などがありましたら、おつしやってください
ゆかうえしんすい
3. 床上浸水
どそくげんきん
4. 土足厳禁
みつ さ
5. 密を避けましょう
せいてい



せいかい
正解は
にじゅうにペーじ
22ページ

にほんご 「やさしい日本語」を知っていますか

みな にほんご ことば き にほんご ふつう にほんご かんたん がいこくじん
皆さん、「やさしい日本語」という言葉を聞いたことがありますか？「やさしい日本語」は、普通の日本語よりも簡単で、外国人
わ にほんご こんかい にほんご にほんご ごきょうし いのうえ こ おし
にも分かりやすい日本語のことです。今回は、「やさしい日本語」について、日本語教師の井上くみ子さんに教えていただきました。

いのうえ ふだん かつどう
Q: 井上さんは普段、どんな活動をしていますか。

おも し かつどう もきゅう こぐるーぶ たぶんかこそだ かいここにこ だいひょう もきゅう こ
A: 主にさいたま市で活動している地球つ子グループの「多文化子育ての会Coconico」の代表をしています。地球つ子
ぐるーぶ いっぽんき にほんごきうしつ にほんご おし がいこくじん にほん かつやく かんきょう おな
グループは、一般的な日本語教室のように日本語を教えるだけでなく、外国人が日本で活躍するための環境づくりを行っ
ています。
かつどう なか にほんじん じぶん つか にほんご みなお かんが がいこくじん にほんじん はな にほんご
その活動の中で、日本人が自分の使っている日本語を見直し、考えないと、外国人は日本人の話している日本語を
りかい わずか かん さいきん がいこくじん にほんご おし にほんじん たい にほんご
理解することは難しいと感じました。そこで、最近は外国人に日本語を教えるより、日本人に対して「やさしい日本語」を
おし きかい ふ 教える機会が増えています。

にほんご なん
Q: そもそも「やさしい日本語」って何ですか。

にほんご かんたん いみ やさ こころ やさ ふた
A: 「やさしい日本語」の「やさしい」には、簡単という意味の「易しい」と心が「優しい」2つの
いみ い ぜったい つた ことば き こた
意味があります。こう言えば絶対に伝わるという言葉、決まった答えはありません。
あいて あ つた にほんご えら ちようせい かくにん はな にほん
相手に合わせて、伝わる日本語を選んで、調整、確認しながら話すのが「やさしい日本
ご あいて つた さぐ こみゅ にけーしょん たの ふく
語」です。また、相手に伝わるかどうかを探りながらコミュニケーションを楽しむことも含め
にほんご おも
て、「やさしい日本語」だと思います。

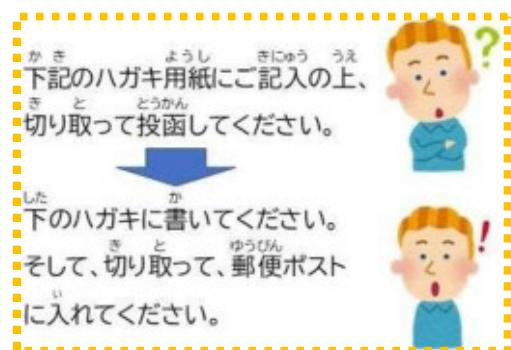


にほんご ばめん かつどう
Q: 「やさしい日本語」は、どのような場面で活用されていますか。

にほんご おも やくしょ まどぐら ぶんしょ ひつよう い にほん せいど き つた
A: 「やさしい日本語」は、主に役所の窓口や文書で必要と言われていますが、日本の制度や決まりを伝えるだけのものではありません。
にほんじん にほんご はな がいこくじん わ すく も のうりよく
日本人が「やさしい日本語」を話すことによって、外国人の分からないうことが少なくなり、もともと持っている能力を
はつき けっか にほん おも にほんご にほんじん みみ き ひと
発揮することができた結果、日本のためにもなると思います。また、「やさしい日本語」は、日本人でも耳が聞こえづらい人な
たい ゆうこう しゅわ た げんご つうやく とき ふつう にほんご つうやく にほんご つうやく
どに対して有効です。手話や他の言語に通訳する時も、普通の日本語から通訳するより、「やさしい日本語」から通訳する
かんたん
ほうが、はるかに簡単です。
にほんご あいて み あいて おも はな かた にほんじん こみゅ にけー
さらに、「やさしい日本語」では、相手をよく見ながら、相手のことを思いやる話し方をすることで、日本人のコミュニケーション能力が高くなるということになります。そういうことが広がることによって、多様性を認める社会となり、地域で住んで
おも
いるみんなのためになると思います。

はな にほんご
Q: どのように話せば「やさしい日本語」になりますか。

にほんご じゅうに る ー る わたし
A: 「やさしい日本語」には、12くらいのルールがありますが、私はいつも「はさ
ほうそく おぼ はな
みの法則」だけ覚えてくださいと話しています。つまり、
わ ひょうげん はな
「はつきり」：分かりやすい、はつきりとした表現で話す。
とちゅう はなし あいて さつ きたい
「さいごまで」：途中で話をやめて、相手に察してもらうことを期待するよう
い かた さいご はな
な言い方をしないで、最後まで話す。



い い じょうほう つた かんけい じょうほう す
「みじかく」：「～で、～で」とつなげないで、「～です。」「～ます。」というように文を切る。一つの文章にたくさんの意味を
入れない。要らない情報（伝えたいことと関係ない情報）は捨てる。
といふことです。

いんたびゅー お
(インタビューを終えて)
すこ にほんご いしき はな がいこくじん りかい
ほんの少し「やさしい日本語」を意識して話すことで、外国人はとても理解しやすくなります。皆さんも地域の外国人と話す
きかい にほんご つか
機会があれば、ぜひ「やさしい日本語」を使ってみませんか。

Do you know Plain Japanese?

Have you ever heard of "Plain Japanese"? It is a simplified Japanese, thus allows non-Japanese speakers to comprehend with less difficulty. Today, I asked Ms. Kumiko Inoue, Japanese language teacher, to talk about this "Plain Japanese".

Q : Could you tell us about your activity?

A : I am a representative of a Saitama City based group called "Chikyukko Group"s "Multicultural Child Rearing Society; Coconico". Unlike other volunteered Japanese classes, this group is not only teaching Japanese to non-Japanese speakers, but also aspiring to establish an environment for foreign residents in which they can play active parts.

Through this activity, I felt it must be very difficult for non-Japanese speakers to comprehend our ordinary-speaking Japanese. I sensed we need to be conscious of our everyday vocabulary and reconsideration of wordings we use for them. Started from there, today we are getting to have more and more occasions of teaching Plain Japanese to Japanese people than teaching Japanese lessons to non-Japanese speakers.

Q : In the first place, could you tell us what exactly "Plain Japanese" is?

A : "Yasashii", from "Plain Japanese-Yasashii-Nihongo" has two meanings, "Easy" and "Tender". There is no decisive phrases nor definite answers in making people comprehended in conversation. When you use Plain Japanese, it requires the process of seeing people's language level, choosing appropriate wordings, then finally speaking through accommodation and confirmation. Also, I think Plain Japanese includes the pleasure of communication through searching a key of warding.

Q : How do you put Plain Japanese to good practical use?

A : It is said that Plain Japanese is much sought after at public government office counters and in documents.

However, it is not only for the purpose of informing Japan's systems and regulations. When a Japanese speaks Plain Japanese to a non-Japanese speaker, it lowers the linguistic barrier between them. If it allows a non-Japanese speaker to develop the powers latent within him/her as a result of solving their obscurity,

then it would become beneficial to Japan. Also, Plain Japanese is helpful even for Japanese who have hearing difficulties. Sign-language interpretation or a foreign language interpretation, whichever the case may be, it is much easier to translate from Plain Japanese than from ordinary Japanese. Furthermore, Plain Japanese requires the method of taking a good look at people and speaking with consideration, which finally raises communication skill of Japanese people. In doing so, this practical magic ends up as the realization of diversified society which I am sure will have a good influence on local communities.



Q : How can we speak Plain Japanese?

A : Plain Japanese has about 12 rules. Though I always ask people to just follow the rule of *Ha-Sa-Mi* (scissors).

That is;

"*Hakkiribe articulate*": Articulate each word carefully.

"*Saigomade till the end of the sentence*": To avoid implication, do not slur the ends of sentences.

"*Mijkakushort*": Avoid the use of conjunctions, make each sentence short. Not contain many messages in one sentence. Save unnecessary information (unrelated information) from the sentence.

(After the interview)

Have a little bit of Plain Japanese in mind when you speak, that makes non-Japanese speakers more easily to comprehend what you say. When you have a chance to speak with non-Japanese speakers in your community, why do not you rely on Plain Japanese?



大家知道“简单日语”吗?

大家听说过“简单日语”这个词吗?“简单日语”是一种比普通日语简单的日语，外国人也很容易理解。这一次，我们请日语老师井上久美子女士为我们讲述“简单日语”。

Q: 井上老师平时开展什么样的活动?

A: 地球之子是一个主要活跃在埼玉市的团体，我担任其中的“多文化育儿会Coconico”的负责人。地球之子团体不仅像一般的日语教室那样教授日语，而且还致力于创造让外国人在日本社会发挥积极作用的环境。

在这些活动中，我感到如果日本人不对他们自己使用的日语进行重新审视和思考，那外国人就很难理解日本人所说的日语。所以最近，比起教外国人学日语，我教日本人“简单日语”的机会更多。

Q: 归根结底“简单日语”到底是什么？

A: “简单日语”中的“简单”一词有两个含义，即“简单”和“亲切”。从这个意义上说，没有肯定会让对方听得懂的词语或固定的说法。只有配合对方的日语水平，选择对方可以听得懂的日语、并在说的过程中不断地进行调整和确认，这样说出来的才是“简单日语”。另外，我认为，“简单日语”还包含有边试探对方是否听懂边享受交流这层意思。

Q: “简单日语”运用于什么样的场面？

A: 通常主要是在政府的服务窗口和文件中需要用到“简单日语”，但它不仅仅用来传达日本的制度和规定。我认为，如果日本人说“简单日语”，外国人听不懂的内容就变少，就能发挥他们原本具有的能力。这样的话，对日本也有好处。另外，“简单日语”对有听力障碍等情况的日本人也是有效的。在将日语口译成手语或其他语种时也一样，将“简单日语”口译成手语或其他语种要比普通日语容易得多。

还有，“简单日语”还意味着在说话时需要仔细观察对方，并能照顾到对方的说话方式，这也将提高日本人的沟通能力。我认为，通过推广这些做法，可以让我们的社会变得更加容易接受多样性，也会让生活在社区的每个人都受益。



Q: 要怎样说才是“简单日语”？

A: “简单日语”中大约有12条规则，但我总是告诉大家只需记住“剪刀规则”（将“剪刀”的日语“はさみ”的三个假名作为三条规则的开头）。也就是，

“清晰”：说话要清晰明了，易于理解。

“完整”：不要在中途停止说话，并期望对方能猜到你想要说什么。要把话说完，说完整。

“简短”：不要用连接词“～で、～で”将句子连在一起。要用“～です。”“～ます。”这样的方式将句子断开。不要把太多的意思放在一个句子里。要舍去不必要的（与你想说的内容无关的）信息。

（采访结束后）

在说话时下意识地用一点点“简单日语”，这样外国人就很容易理解。如果大家有机会与自己所在社区的外国人交谈，建议大家一定尝试一下用“简单日语”。



Bạn có biết “tiếng Nhật dễ hiểu” là gì không?

Các bạn đã bao giờ nghe nói về từ “Yasashii Nihongo - tiếng Nhật dễ hiểu” chưa? “Tiếng Nhật dễ hiểu” là tiếng Nhật được diễn đạt một cách đơn giản hơn so với tiếng Nhật thông thường để trở nên dễ hiểu với người nước ngoài. Hôm nay, chúng tôi được cô Kumiko Inoue, giáo viên tiếng Nhật hướng dẫn về “tiếng Nhật dễ hiểu”.

Q: Chào cô Inoue! Thông thường, cô tổ chức các hoạt động như thế nào?

A: Tôi đang là người đại diện của hội Coconico về giáo dục trẻ em đa văn hóa, trực thuộc Tổ chức trẻ em toàn cầu Chikyukko hoạt động chủ yếu ở thành phố Saitama. Tổ chức trẻ em toàn cầu Chikyukko không chỉ dạy tiếng Nhật như các lớp học tiếng Nhật thông thường, mà còn thực hiện xây dựng môi trường để người nước ngoài có thể hoạt động tại Nhật.

Trong các hoạt động đó, tôi đã nhận ra rằng nếu người Nhật không cần nhắc và thay đổi tiếng Nhật mà bản thân người Nhật đang dùng, thì việc người nước ngoài hiểu tiếng Nhật trong các cuộc hội thoại của người Nhật sẽ rất khó khăn. Do đó, gần đây, so với việc dạy tiếng Nhật cho người nước ngoài, cơ hội dạy “tiếng Nhật dễ hiểu” cho người Nhật đang dần tăng lên.

Q: Vốn dĩ “tiếng Nhật dễ hiểu” nghĩa là gì?

A: Từ “yasashii” trong “Yasashii Nihongo - tiếng Nhật dễ hiểu” có hai nghĩa là “yasashii – dễ dàng” muốn nói về sự đơn giản, và “yasashii – quan tâm” đến từ trái tim. Nói như vậy nghĩa là không có từ vựng nào có thể truyền đạt được tuyệt đối, không có câu trả lời nào được quy định sẵn. Việc vừa nói chuyện, vừa lựa chọn, điều chỉnh, xác nhận tiếng Nhật để truyền đạt sao cho phù hợp với đối phương chính là “tiếng Nhật dễ hiểu”. Tôi cho rằng “tiếng Nhật dễ hiểu” bao gồm cả việc vừa thoải mái trò chuyện, vừa thăm dò xem có truyền đạt được cho đối phương hay không.

Q: Vậy, “tiếng Nhật dễ hiểu” được sử dụng trong những trường hợp như thế nào?

A: “Tiếng Nhật dễ hiểu” chủ yếu được sử dụng tại các quầy tiếp nhận ở các cơ quan hành chính hoặc trong các văn bản khi cần thiết, nhưng nó không chỉ để truyền đạt chế độ và quy định của Nhật Bản. Tôi cho rằng việc người Nhật nói chuyện bằng “tiếng Nhật dễ hiểu” sẽ giúp cho những điều người nước ngoài chưa hiểu trở nên ít hơn, và đó cũng là điều cần thiết cho Nhật Bản để có thể phát huy được năng lực đang có. Ngoài ra, “tiếng Nhật dễ hiểu” cũng có hiệu quả đối với cả người Nhật như người gặp khó khăn về thính giác. Khi thông dịch sang ngôn ngữ ký hiệu bằng tay hay ngôn ngữ khác, so với tiếng Nhật thông thường, việc chuyển từ “tiếng Nhật dễ hiểu” sang ngôn ngữ ký hiệu bằng tay sẽ đơn giản hơn nhiều.

Hơn nữa, với “tiếng Nhật dễ hiểu”, việc giao tiếp bằng cách vừa quan tâm đến đối phương, vừa nhinnie đối phương cũng có thể giúp nâng cao năng lực giao tiếp của người Nhật. Nếu điều này được mở rộng, tôi nghĩ rằng Nhật Bản sẽ trở thành một xã hội có thể công nhận tính đa dạng, và giúp ích cho tất cả mọi người đang sống ở các địa phương.

Q: Nói như thế nào thì trở thành “tiếng Nhật dễ hiểu”?

A: “Tiếng Nhật dễ hiểu” có khoảng 12 quy tắc, nhưng tôi thường hay nói rằng hãy chỉ cần nhớ “quy tắc Ha-sa-mi”. Đó là:



“Hakkiri”: nói chuyện bằng cách diễn đạt rõ ràng, dễ hiểu.

“Saigo-made”: không sử dụng cách nói chuyện dừng giữa chừng và kỳ vọng việc đối phương sẽ đoán nghĩa, nói đến cuối cùng.

“Mijikaku”: không nói dài câu bằng “~de, ~de”, mà dùng các dạng “~desu” và “~masu” trong câu văn. Không đưa nhiều nghĩa trong một câu văn. Lược bỏ các thông tin không cần thiết (thông tin không liên quan đến việc muốn truyền đạt).

(Sau khi kết thúc buổi phỏng vấn)

Thông qua buổi nói chuyện để tìm hiểu một chút về “Tiếng Nhật dễ hiểu”, người nước ngoài sẽ hiểu tiếng Nhật dễ dàng hơn. Nếu có cơ hội nói chuyện với người nước ngoài ở địa phương, mọi người có thể sử dụng “tiếng Nhật dễ hiểu” không?



‘쉬운 일본어’를 알고 있습니까?

여러분은 ‘쉬운 일본어’라는 말을 들은 적이 있습니까? ‘쉬운 일본어’는 보통 일본어 보다도 간단하여 외국인도 알기 쉬운 일본어를 말합니다. 이번에는 ‘쉬운 일본어’에 대하여 일본어 교사인 이노우에 쿠미코 씨가 알려 주셨습니다.

Q : 이노우에 쿠미코 씨는 평소 어떤 활동을 하고 있습니까?

A : 주로 사이타마시에서 활동하고 있는 지쿱코 클럽 ‘다문화 육아모임Coconico’의 대표를 하고 있습니다. 지쿱코 클럽은 일반적인 일본어 교실과 같이 일본어만 가르치는 것이 아니라, 외국인이 일본에서 활동할 수 있도록 환경만들기를 하고 있습니다. 그 활동을 하면서, 일본인이 자신이 사용하고 있는 일본어를 재검토하고 생각하지 않으면 외국인과 일본인이 말하고 있는 일본어를 이해하는 것이 어렵다는 것을 느꼈습니다. 그래서 최근에는 외국인에게 일본어를 가르치는 것보다 일본인에게 ‘쉬운 일본어’를 가르치는 기회가 늘었습니다.

Q : 원래 ‘쉬운 일본어’란 무엇입니까?

A : ‘쉬운 일본어’의 ‘쉬운’에는 간단이라는 의미의 ‘쉽다’와 마음이 ‘착하다’라는 2개의 의미가 있습니다. 이렇게 말하면 절대로 전 할 수 있는 말, 정해진 대답은 없습니다. 상대에 따라서 전할 수 있는 일본어를 선택하여 조정, 확인하면서 말하는 것이 ‘쉬운 일본어’입니다. 또한 상대방에게 전해질지 어떨지를 살펴면서 커뮤니케이션을 즐기는 것을 포함해서 ‘쉬운 일본어’라고 생각합니다.

Q : ‘쉬운 일본어’는 어떤 장면에서 활용되어지고 있습니까?

A : ‘쉬운 일본어’는 주로 관공서의 창구나 문서에서 필요하다고 하지만 일본의 제도나 규칙을 전하기만 하는 것은 아닙니다. 일본인이 ‘쉬운 일본어’를 말함으로써 외국인의 모르는 것이 줄어들어 처음부터 가지고 있는 능력을 발휘할 수 있었던 결과 일본을 위해서도 좋다고 생각합니다. 또한 ‘쉬운 일본어’는 일본인이라도 귀가 잘 들리지 않는 사람 등에 대해서 유효합니다. 수화나 다른 언어로 통역할 때에도 보통 일본어에서 통역하는 것보다 ‘쉬운 일본어’에서 통역하는 것이 훨씬 간단합니다. 게다가, ‘쉬운 일본어’는 상대를 잘 보면서 상대를 배려하는 말로 하므로 일본인의 커뮤니케이션 능력이 높아집니다. 이런 것들이 넓어짐으로서 다양성을 인정하는 사회가 되어 지역에 살고 있는 분들을 위해 도움이 될 것이라고 생각합니다.

Q : 어떻게 말하면 ‘쉬운 일본어’가 됩니까?

A : ‘쉬운 일본어’에는 1~2 정도의 규칙이 있지만, 저는 항상 [하사미 법칙]만 기억하라고 말합니다. 다시 말하면,

[핫카리(정확히)] : 알기 쉽게, 정확한 표현으로 말한다.

[사이고마데(끝까지)] : 중간에 말을 끊고, 상대가 알아듣기를 기대하는 말투로 하지 않고, 끝까지 말한다.

[미지카쿠(짧게)] : [~에, ~에]하고 이어가지 말고, [~입니다.] [~합니다.]처럼 문장을 끊는다. 한 개의 문장에 많은 의미를 넣지 않는다. 필요없는 정보 (전하고 싶은 내용과 관계없는 정보)는 버린다. 라는 것입니다.



(인터뷰를 마치고)

아주 조금 ‘쉬운 일본어’를 의식해서 말함으로, 외국인은 매우 이해하기 쉽게 됩니다. 여러분도 같은 지역에 사는 외국인과 말할 기회가 있으면, 꼭 ‘쉬운 일본어’를 사용해보지 않겠습니까?

にほんご い か わい さんこう せいかれい ひと
やさしい日本語の言い換え例です。参考にしてください。正解は一つではありません。

か
1. 書いて ください

き
2. わからなかつたら 聞いて ください

いえ なか みず はい
3. 家の 中に 水が 入つて きました

くつ ぬ
4. 靴を 脱いで ください

ひと あいだ
5. 人との 間を あけましょう



いちばんたいせつ あいて おも
一番大切なのは、相手を思いやり、
わ つた
分かりやすく伝えようとする
き も
「やさしい気持ち」です。

だいじゅうごごう　れいわよ　にせんにじゅうに　ねんにがつ　はっこう　よでい
第15号は令和4(2022)年2月に発行する予定です。

・編集・発行	川口市 市民生活部 協働推進課 多文化共生係
・編集長	桑玲君
・副編集長	田中雅子
・編集委員	岸田洋二 斎藤守央 塩瀬潔泉 嶋澤紗羅
・翻訳者	(英) 安井ルイ (中) 陳晨 姚新華 (越) 木村友紀 レータン フェン (韓) 李淑炯 李興秀
・表紙デザイン	嶋澤紗羅